

“Văn hóa không tên” tạo nên linh hồn của Sài Gòn xưa

-0-0-0-0-0-

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn

Buổi sáng thứ sáu tuần vừa qua, tôi được một ông bạn điện thoại đến rủ ra Givral uống cà phê. Tôi rất ngạc nhiên vì từ hơn 2 năm nay Givral nằm trong thương xá Eden đã bị đập phá tan tành để... làm một cái gì đó, chắc cũng “vĩ đại” như tòa nhà Vincom chiếm trọn khu vườn hoa trước mặt. Mỗi lần đi ngang qua đường Đồng Khởi, tôi không thể nào quên đó là đường Tự Do xưa kia... của chúng tôi. Nhìn toàn bộ khu tứ giác Eden chỉ còn là đống gạch vụn với những hàng rào kiên cố xung quanh cứ như nhìn thấy... cái gọi là “trại cải tạo”. Thì ra, sau hơn 12 năm, cái “trại cải tạo” ấy vẫn còn ám ảnh tôi ngay cả trong vô thức, đôi khi ngay cả trong giấc mơ. Thế nên mỗi khi đi qua khu Eden bị tàn phá đó, tôi bỗng cúi đầu, chẳng muốn nhìn lâu và cũng chẳng muốn tìm hiểu xem trong thời gian tới, nó sẽ mọc lên cái gì. Tôi cứ nghĩ Gival đã thuộc hẳn về quá khứ, như những người bạn tôi ra lò hỏa thiêu, không bao giờ gặp lại.

Ông bạn thấy tôi khựng lại, ông giải thích:

– Nó mở lại Givral hôm qua (10-10-2012) ở chỗ cũ rồi ông ạ. Cũng điêm tâm, cà phê như xưa. Ra ngồi xem cho biết, nhớ lại chút kỷ niệm xưa.

Nghे bùi tai, tôi đồng ý ngay. Dù biết rằng ra đó ngồi sẽ rất ngậm ngùi nhớ bạn, nhớ tình, nhớ thời trai trẻ, nhớ đủ thứ... trong cái không gian ấy.

Cái “trục văn hóa không tên”

Nói đến Gival là nhớ đến La Pagode, Brodard... chắc chắn những người đã từng sống, từng ghé qua Sài Gòn chưa ai quên. Nhất là những văn nghệ sĩ, nhà báo, dân biểu, thường ngồi ở đây làm nơi trao đổi tin tức nghề nghiệp. Còn một số lớn khách du lịch, sĩ quan, quân nhân, công tư chức làm việc tại “thủ đô miền Nam” và các bạn trẻ Sài Gòn thập niên 60-75 cũng hay lui tới nơi này. Một địa điểm trung tâm thành phố, rất thuận tiện cho mọi việc, từ hẹn hò, mua sắm vài thứ, đợi giờ vào rạp chiếu phim, hoặc chỉ đi “bát phố” mà hồi đó chúng tôi gọi là đi “hittuking”, tức là đi “hít tú kính” chứ không mua bán gì. Hơn thế, thương hiệu bánh ngọt Gival rất nổi tiếng, thu hút nhiều khách sành ăn. Mấy bà đi ngang qua Lê Lợi - Tự Do ghé vào mua vài cái bánh mang về cho chồng con là chuyện bình thường.

Gival, La Pagode, Brodard đã trở thành một cái “trục văn hóa không tên” phảng phất mà rất sâu đậm trong cái hồn của Sài Gòn.

Sau năm 1975, Gival vẫn còn sống sót cho đến khi khu này bị “giải tỏa”, nhưng khách không còn “chọn lọc” như thời xưa. Khách hàng đủ mọi loại, ông Tây bà Đầm,

ông Hàn Quốc bà Đài Loan, chân dài đẹp, chân dài xấu, nghệ sĩ thập cẩm ra vô thong thả và giá cả cũng vào loại trung bình, không “mềm” cũng không “cắt cổ”.

Givral ngày ấy... bây giờ

Trong khi ông bạn tôi tìm chỗ gửi xe, tôi đứng trên đường Lê Lợi nhìn qua khung kính vào nhà hàng Givral mới. Nó vẫn ở cái góc Lê Lợi – Đồng Khởi, mấy cái cửa kính lớn vẫn cho khách có thể nhìn ngắm hai mặt đường phố và tất nhiên khách đường phố cũng có thể chiêm ngưỡng những khách hàng “đẳng cấp” ngồi bên trong.



*Givral ngày xưa trên góc
đường Tự Do – Lê Lợi*

Điều đáng tiếc nhất là cái cột to tướng đứng vào góc đẹp nhất che lấp mất tầm nhìn nơi cửa chính trước kia, làm cho không gian có vẻ như chật chội hơn, không thể nhìn thẳng ra nhà hát lớn, khách sạn Continental với phong cách rất Tây và khách sạn Caravelle cùng cái vòng xoay và những con đường chảy vào giữa lòng thành phố.

Chúng tôi bước vào nhà hàng với một vẻ lạ lẫm. Những chiếc bàn ghế mới toanh,

những bộ salon kê hai bên góc khá đẹp. Tất cả đều mang dáng vẻ sang trọng như bất cứ một nhà hàng cà phê, điểm tâm “có hạng” nào ở những thành phố lớn.

Khoảng 9g sáng, khách đã chiếm hết số bàn trong tiệm. Số còn lại ngồi rải rác quanh chiếc comptoir hình móng ngựa. Những người hoàn toàn xa lạ ngồi riêng biệt, chẳng ai nhìn ai. Cái không khí ấy khiến tôi không thể quên những ngày xưa. Tuy ngồi khác bàn nhưng chúng tôi vẫn có thể biết xung quanh mình có những ai.

Bàn bên kia là bốn năm anh kỹ giả chuyên làm tin hành lang Quốc Hội, bàn góc trái là mấy ông dân biểu Hạ Nghị Viện thời Đệ Nhị Cộng Hòa đang say sưa bàn về những “ý kiến” đã và đang chuẩn bị lên diễn đàn. Bàn giữa nhà là mấy “dân chơi” quen mặt, có lẽ ngồi đợi người đẹp... Thỉnh thoảng một cái gật đầu, một cái vẫy tay, một ánh mắt thân thiện. Sự gần gũi, quen thuộc ấy chính là cái linh hồn của Givral trước 1975. Bây giờ không tìm lại được nữa.

Cái “trục văn hóa” từ La Pagode, Givral đến Brodard khác nhau thế nào?

Nằm chung trên đường Tự Do xưa, có ba quán café cùng nổi tiếng như nhau. Bắt đầu từ nhà hàng La Pagode ở góc Lê Thánh Tôn – Tự Do, qua vài nhà hàng đến tiệm sách Xuân Thu, đến hành lang Eden, trong đó có rạp Ciné Eden từ hồi... cựu hoàng Bảo Đại mới lên ngôi. Đến góc đường này là Givral nằm đối diện với khách sạn Continental, sát bên trụ sở Hạ Nghị Viện (nhà hát lớn TP cũ), nhìn chéo sang phải là khách sạn Caravelle sinh sau đẻ muộn. Đi quá chút nữa là nhà hàng Brodard.

Ba tiệm cùng nằm trên một con đường rất gần nhau, chỉ cách khoảng trên dưới 100m và gần

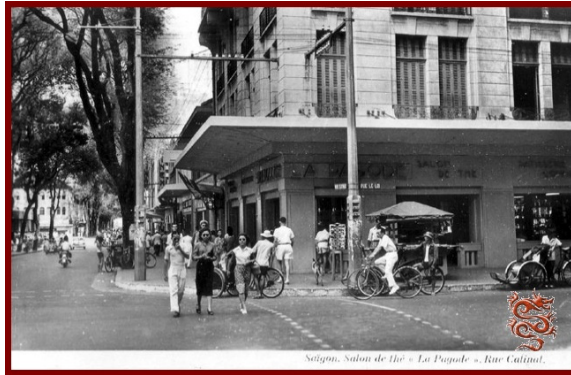
như có kiểu kinh doanh giống nhau. Nhưng thật ra, nếu để ý kỹ, khách hàng thường chia làm 3 loại khác nhau. Ở đây tôi chỉ kể riêng về mặt “sinh hoạt văn hóa”.

Trước hết phải kể đến nhà hàng La Pagode, tôi cho là “cổ kính” nhất. Ngay từ những năm 1953, khi tôi mới biết taxi là “cái giống gì” (bởi ở miền Bắc hồi đó chưa có taxi), tôi đã biết La Pagode. Hồi đó La Pagode còn bày hàng ghế salon bọc da ra ngoài hành lang, theo lời ông Nguyễn Sa thì nó giống hết nhiều nhà hàng ở Paris. Ngồi ở đây thoáng đãng. Khách đến thường chỉ dùng một ly cà phê, ngồi từ chiều đến tối mịt. Phía trong có một bàn đánh “tin” dành cho khách giải trí chứ không có mục đích cờ bạc kiếm tiền. Ông Hoàng Hải, anh ruột của cố chuẩn tướng Lưu Kim Cương, có thể kể là một “nhà vô địch” về môn giải trí này. Chúng tôi chỉ cần mua một chục cái jeton, như đồng xu, bỏ vào khe là chơi triền miên. Cứ sắp hết lại kêu ông ông Hoàng Hải “cứu giá”, bonus lại đổ xuống hàng đồng jeton tha hồ chơi.

Từ đâu có “Radio Catinat”

Khách hàng của La Pagode hầu hết là nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ. Cứ vào buổi chiều, sau giờ tan sở là tụ tập lại đây. Tắt nhiên cũng ngồi thành nhóm. Những ngày đầu tôi thường đi cùng Thanh Nam, Thái

Thủy, Hoàng Thư và đến đây thường gặp các anh Nguyễn Sa, Trần Thanh Hiệp, Mặc Thu, Cung Trầm Tưởng, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Tạ Quang Khôi, Viên Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huân, Anh Ngọc, Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Đình Toàn...



La Pagode ngày xưa

Quá nhiều, tôi không thể nhớ hết. Thật sự cái nhu cầu chính là đến đây gặp nhau, để... nói dóc, “bình loạn” vài cái tin văn nghệ, thời sự chính trị cho vui thôi. Cả ba nhà hàng này với những cái “loa

ngâm, loa không ai kiểm chứng” nên có thời người ta gọi những tin tức ấy là “radio catinat” (bởi con đường Tự Do, thời Pháp được đặt tên là đường Catinat). Tuy nhiên cũng có những nguồn tin “bí mật quốc gia” rất chính xác bên cạnh những nguồn tin chẳng bao giờ là sự thật. Nó cứ nhập nhằng như thế nên “radio Catinat” chưa chắc đã là “láo toét” như nhiều người kết tội nó.

Vậy tạm gọi Pagode dành cho giới viết lách gặp nhau, xả stress.

Quyền lợi hỗ trợ giữa phóng viên và các ông “nghị”

Còn Givral đông nhất và đáng kể nhất vào mỗi buổi sáng. Phóng viên trẻ thường tụ tập ở nhà hàng này vì nó ở ngay trước trụ sở Hạ Nghị Viện, các ông dân biểu thường ra ngồi giải lao tại đây và “thảo luận” đủ thứ chuyện bên lề. Và chuyện bên lề bao

giờ cũng hấp dẫn hơn chuyện trong nghị trường. Chuyện “bí mật quốc gia”, chuyện phe nhóm, “gia nô” và không “gia nô”, chuyện tình bà nghị ông nghị..., cứ nghe mấy ông này là có đủ tin “giật gân” trong ngày. Cảnh phóng viên thường bắt mỗi rất chặt chẽ với các ông bà dân biểu và nghị sĩ thượng hạ nghị viện. Thật ra họ có quyền lợi “hỗ trợ”, anh cho tôi tin, báo tôi yểm trợ lập trường của anh. Trong số những phóng viên VN còn có một số phóng viên người Mỹ, Pháp từ khách sạn Continental trước mặt ghé sang. Hoặc cũng có một số phóng viên người Việt làm cho các đài truyền hình, truyền thanh nước ngoài sẵn tin tại đây.

Nhà thơ hàng đầu VN thường hẹn hò ở Givral

Có một nhà thơ hàng đầu VN thời đó là thi sĩ Đinh Hùng, bình thường ông hay ngồi ở La Pagode, nhưng khi “hữu sự” ông lại ngồi ở Givral. Dáng người “thanh thoát” nhỏ nhắn rất thư sinh. Lúc nào ông cũng chải chuốt, complet, cravate, đầu chải mượt gọn gàng, tay luôn xách chiếc cặp da, ông còn giữ nguyên vẻ đom đàng, lịch lãm của “công tử Hà Nội” những năm 50. Ông thường hẹn gặp những người ái mộ ở đây. Tôi để ý thấy hầu hết là những nữ độc giả rất trẻ, đẹp. Khi ông ngồi cùng 3-4 cô, khi ông lại rù rì với một người đẹp duy nhất. Đúng là ông có số đào hoa và

dù đã ngoại ngũ tuần nhưng trái tim vẫn còn rất trẻ. Những lúc nhìn ông “say” như thế, tôi có cảm tưởng như ông cũng giống như những cậu trai 20 ngồi bên cô gái 18. Ông sống thật với rung cảm của mình. Có lẽ vì vậy thơ ông bao giờ cũng mang cái óng mượt, thần thoại rất đặc trưng. Có thể, Givral chính là nơi bắt nguồn cho những cánh thơ thăng hoa của cảm xúc này.

Hôm nay ngồi ở Givral, hình bóng anh Đinh Hùng vẫn quanh quẩn đâu đây. Nhớ lại, khi tôi viết truyện dài “Đời chưa trang điểm”, tiêu đề này chính là đã mượn trong câu thơ “đời chưa trang điểm mà xuân đã về” của anh. Lúc gặp nhau, anh Đinh Hùng nói với tôi: “Ừ, cái títt ấy có vẻ tiêu thuyết lắm, cứ lấy xài đi, đóng thuế cho tờ một cuốn thôi”. Mới đây mà đã hơn nửa thế kỷ rồi anh Đinh Hùng ơi!

Brodard với những “dân chơi”

Còn nhà hàng Brodard nằm ở góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, nhìn sang bên kia là vũ trường Tự Do của ông Cường lùn và chị “tài phán” Nhựt, bà chị này hành nghề cai quản các em “ca nhe” từ vũ trường Ritz Hà Nội vào Nam. Ở đây lại đông vui vào những buổi sáng muộn và buổi tối khi “gà lên chuồng”. Nơi lui tới của những “dân đi chơi đêm” Sài Thành. Những anh hùng “hảo hóm” như Khê - Thăng Long Xích Thổ, anh em ông Kim đầu bạc, Kính tennis,



Nhà hàng Brodard xưa

Chương Marine cũng lui tới ngôi tán chuyện giang hồ. Các “đại gia, tiểu gia” thời đó không nhiều, chỉ vón vện một số ông dục sĩ, tu bíp, doanh nhân có “xế bốn bánh” đủ để chở các em đi ăn đêm. Thịnh thoảng một vài em vũ nữ, thường là loại có hạng như Lê Hằng, Thủy Điền, Mỹ Khùng... ở mấy cái vũ trường gần đó như Tự Do, Mỹ Phụng, Olympia cũng la cà vào đây tán dóc.

Ba nhà hàng ấy là 3 sắc thái riêng biệt làm nên cái trục “văn hóa không tên”, cái linh hồn của Sài Gòn, khó phai mờ trong ký ức của những người Sài Gòn.

Còn một địa chỉ nữa ở gần chợ Bến Thành là nhà hàng Thanh Thế, nơi này là chỗ gặp nhau của những ký giả thể thao như đàn anh Huyền Vũ, Thiệu Võ và một số những nhà báo miền Nam.

Tai nạn nghề nghiệp tại Givral, chuyện bây giờ và chuyện ngày xưa

Nhắc đến Givral và gần đây có câu chuyện về tin “siêu hot” trên nhiều tờ báo ở VN, tôi chợt nhớ đến câu chuyện cũng gần giống như thế xảy ra giữa mấy anh phóng viên với nhau ngay tại nhà hàng Givral hồi xưa. Xin ghi lại chuyện vừa xảy ra trước.

Hẳn bạn đọc còn nhớ câu chuyện “tin không nổi” mới xảy ra vài tuần trước. Ngày 18-9, VOV online, một trang thông tin trên mạng của VN, đã đăng tải thông tin với nội dung rất kỳ cục về “quan hệ” bố chồng nàng dâu. Sau khi VOV online đăng thông tin này, rất nhiều báo, trang thông tin điện tử ở VN đã trích nguồn tin này, có báo còn vẽ rần thêm chân cho tình tiết thêm phần “thật” và tăng độ “gay cấn” lên cao. Xin nhắc lại câu chuyện có thể kể là chuyện ly

kỳ quái đã nhất thế kỷ tại VN. Trang mạng này đưa tin nguyên văn như sau:

“Bố chồng “yêu” con dâu, cùng phải đi cấp cứu

Ông A (58 tuổi) có quan hệ tình dục với cô con dâu (36 tuổi). Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được

Chiều 18.9, Phó Giáo sư, tiến sĩ Tạ Văn Trâm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang xác nhận, vừa quyết định chuyển 2 bệnh nhân (cư ngụ ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công) lên tuyến trên điều trị trong tình trạng “đỉnh” nhau. Điều đáng nói là 2 bệnh nhân này là bố chồng và con dâu.

Trước đó, trong lúc người con trai đi làm ở TP.Hồ Chí Minh, ông A (58 tuổi) có quan hệ tình dục với cô con dâu (36 tuổi).

Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được, được đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh”.

Thật ra đây chỉ là người tin do BS Tạ Văn Trâm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang nói vui với bạn bè thôi. Hoàn toàn không có thật. Sau đó vài ngày, sáng 22-9 trang báo VOV online đã phải xin lỗi:

“Ngày 18-9, VOV online đã đăng tải thông tin với nội dung về quan hệ bố chồng nàng dâu. Tuy nhiên qua xác minh, phóng viên viết tin này đã có sai sót khi chỉ dựa trên một nguồn tin không chính xác, thiếu thẩm định lại, dẫn đến tin đưa không đúng sự thật. VOV online chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc”.

Chuyện ở Givral thời xưa

Thưa bạn, chuyện này làm tôi nhớ đến câu chuyện có thật ở Givral hồi xưa, do anh Hồng Dương kể lại. Khi đó anh là phóng viên của Đài Phát Thanh Quân Đội phụ trách tin tức nghị trường. Hầu như ngày nào anh cũng ngồi với cánh phóng viên ở Givral. Trong số những phóng viên đi săn tin có một ông, lớn hơn vài tuổi. Ông này thích “mần văn nghệ đủ thứ”, làm thơ, viết văn, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học kiêm luôn nghề săn tin. Ông lại thích tỏ ra hiểu biết hơn người, coi mình là cái rốn của vũ trụ nên anh em không ưa. Ông nói và viết nhiều hơn những gì ông biết. Ông chỉ đọc chừng 10 cuốn sách nhưng phê bình đến cả trăm văn nghệ sĩ. Chúng tôi ông chỉ nghe lỏm chứ không biết đâu là đúng đâu là sai.

Một lần anh em đang ngồi tán dóc, thấy ông (xin giấu tên, tạm gọi là ông X.Y) đi tới. Mọi người đều im bật. Ông X.Y đoán chắc có tin gì hay, tụi nó giấu mình. Ông hỏi, nhưng anh em không ai nói câu nào, ông càng nghi. Sau cùng ông lựa một anh có vẻ “thật thà” nhất gắng hỏi cho được cái tin “bí mật” kia. Anh phóng viên “thật thà” bèn bịa ngay ra một “tình sử” tiết lộ cho đàn anh X.Y. Tôi không nhớ rõ là chuyện gì, nhưng đại khái là thứ tin tức động trời như kiểu tin “bố chồng dính lẹo với nàng dâu”.

Ông X.Y tức khắc viết bản tin đăng trên báo hàng ngày. Ông chủ nhiệm bị thiên hạ gọi đến tòa soạn hỏi tới tấp và có nhiều phản ứng rất gay gắt. Ông chủ nhiệm báo này cũng giống như ông chủ nhiệm VOV phải đi xác minh. Cánh phóng viên nói hoàn toàn không có tin này. Chủ nhiệm đành đành lời “cáo lỗi cùng bạn đọc” và chỉ còn cách cho anh phóng viên nằm nhà làm việc vặt.

Cái bẫy của mấy ông bác sĩ

Trở lại chuyện ngày nay trên VOV, tôi thấy có dư luận chê trách BS Tạ Văn Trâm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang nói bậy. Nhưng suy luận cho cùng, tôi nghĩ đây cũng chỉ là chuyện ông BS Trâm thấy anh PV kia hay nghe lỏm, viết văng mạng nên ông ta cùng bạn bè ghét mặt, bèn dăng cái bẫy, bịa chuyện “bố chồng nàng dâu”, cho anh ta nghe lỏm, cũng giống như cái bẫy của mấy anh bạn phóng viên ngồi ở Givral hồi xưa thôi. Chẳng có lý do gì một BS phó giám đốc BV lại nói một chuyện không hề có như vậy. Thiếu gì chuyện để mấy ông tu bíp nói đồn với nhau, sao lại nhè lúc anh phóng viên có mặt mà “khui” ra chuyện kỳ quái kia, phải không bạn? Bài học này quả là đắt giá cho những người cầm bút chuyện nghiệp và không chuyện nghiệp.

Tôi kể lại chuyện cũ, chuyện mới để bạn đọc dễ dàng so sánh hai chuyện có cùng một nguyên nhân không.

Không thể tìm lại dĩ vãng

Tóm lại, trong bài này, tôi chỉ muốn thông tin đến bạn đọc một nét “văn hóa xưa” vừa được khơi gợi lại giữa TP Sài Gòn. Nhưng với tôi, nó chỉ còn cái tên Givral của thời xa xưa thôi. Tất cả đều khác trước, giá cả lại quá cao không phù hợp chút nào với cánh phóng viên VN. Nó sẽ chỉ còn thích hợp với khách du lịch ghé ngang qua TP này.

Dù sao cũng xin gửi đến bạn đọc nặng lòng với những hoài niệm cũ, với Sài Gòn xưa, một cái gì đã mất đi không thể tìm lại được.

Văn Quang
Sài Gòn 19-10-2012

HỒI CHUÔNG KIM CỎ

HỒ TRƯỜNG AN

Dù có thể nào chẳng nữa, chúng ta cần phải sống cho trọn kiếp này, bằng mọi ý thức nào, bằng triết lý hay nhân sinh quan nào. Dĩ nhiên ta phải tìm hạnh phúc cho mình. Hạnh phúc có mọi nơi, trong tay chúng ta, trong ánh sáng hay trong bóng tối.

Hôm nay, tôi xin kể các câu chuyện thật không ra thật, cá không ra cá. Đó là những câu chuyện không biết có ba sồn bốn sứt hay không ? Hay dở ra sao ? Nhưng xin bà con cho tôi được phong chức nghệ sĩ. Tôi chẳng có một chỗ nào vinh diệu trong ánh sáng cuộc đời. Tôi thất bại nhiều hơn là thành công. Nhưng van xin các bạn đừng quá hà tiện. Trong văn chương, dù tôi không thể làm một nhà văn, thì cũng làm người kể chuyện, hay người biên chép cũng là quý hóa rồi.

Chết cha ! Tôi có để lời ra mặc cảm tự ti hay mặc cảm tự tôn hay không đó ? Tự ti và tự tôn của mọi cá nhân của chúng ta làm bực kinh của người chung quanh.

Thôi nhé ! Xin bà con cô bác cho tôi được kể chuyện nếu không nhầm tai thì cũng lắng xẹt, cũng trời ơi đất hỡi cho bà con nghe chơi.

Đôi danh hài Quang Minh và Hồng Đào qua bên Úc Châu trình diễn, có ghé thăm nhà văn kiêm nhà báo Nhất Giang. Ông Nhất Giang kia có giới thiệu cuốn tiểu thuyết "*Khung Rêu*" của chị tôi (nhà văn nữ Nguyễn Thị Thụy Vũ) đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1971. Ông Minh & bà Đào bằng lòng chuyển nó thành kịch. Tôi chẳng

biết kịch dài hay kịch ngắn ? Bi kịch hay hài kịch ? Đôi uyên ương danh hài này đã từng phóng tác tiểu thuyết các tác phẩm "*Đoạn Tuyệt*" của Nhất Linh, "*Chú Tư Cầu*" của Lê Xuyên và "*Đò Dọc*" của Bình Nguyên Lộc đưa vào hài kịch.

Hỏi ra thì biết cặp Quang Minh và Hồng Đào là Học trò của nhà văn kiêm kịch tác gia Nguyễn Thị Minh Ngọc. Trước năm 1975 chị lấy bút hiệu Nguyễn Thị Ngọc Minh. Lớp nhà văn nữ có 5 con quý cái (nói theo nhà văn Lan Đình) là Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ. Lớp đi sau gồm có: Lệ Hằng, Trần Thị Ng H (Trần Thị Nguyệt Hồng), Nguyễn Thị Ngọc Minh, Ngô Thị Kim Cúc là 4 cây bút sáng giá, bài vở văn chương của họ xứng đáng đăng trên các tập san dành cho các thứ giả như Bách Khoa, Văn, Văn Đè.. Ngọc Minh có lối văn cười ra nước mắt thật độc đáo, khá thân với chị Nguyễn Thị Vinh và nhóm bạn gồm có họa sĩ Nghiêu Đề và vợ, Nguyễn Đình Toàn và vợ, chị Lê Thị Ý và chị của tôi. Họ vui vẻ chung cảnh thất nghiệp. Chị tôi hành nghề bói bài và cô bạn thơ ấu Dư Thị Tuyết Hồng làm nghề lên đồng nhập cốt.

Công cuộc làm ăn của chị khá trôi chảy. Nhà thơ nữ Lê Thị Ý toan tính chung góp hiện kim với một tên đầu sỏ nào đó để vượt biên. Chị Ý tìm chị tôi nói trở rằng muốn tính chuyện làm ăn muốn chị tôi bói một quẻ. Chị tôi ngó vào quẻ được trưng bày bằng các lá bài, rồi can:

-- Quẻ xấu quá. Mày mà mong đi chui sẽ bị bọn bịp bọm gạt gẫm sau khi mày chung tiền hay chung vàng cho tụi nó.

Lê Thị Ý thờ dài. Chừng hai tuần sau, chị tìm tới chị tôi thú tội:

-- Mày bói đúng lắm. May cho tao là tao chưa chung 20 lượng vàng cho tụi gian xảo kia.

Lần sau, chị Ý cũng tới xem quẻ. Chị tôi sau khi những lá bài được xếp thành quẻ, vui mừng :

-- Quẻ của mày tốt lắm. Lá bài **mụ đằm rô** là bản mạng của mày xoay qua lá **ách cơ** tượng trưng cho sự thành công rực rỡ. Di Ý của sấp nhỏ nên tiến hành rụp rụp cho ngon lành đi.

Kỳ đi chui đó chị Lê Thị Ý thành công. Qua tới Mỹ, chị gửi về cho chị tôi ba bộ bài cào.

Nguyễn Đình Toàn cũng toan vượt biên, nhưng qua một quẻ bói bài, chị tôi nói:

-- Coi bộ ông gặp trắc trở rồi. Quẻ bản mạng của ông là **thằng cha bồi rô** lại đối diện với **ông vua bích**, xui lắm!

Quả nhiên, kỳ đi chui đó anh Toàn gặp trở ngại. May cho anh là không bị công an tóm cổ. Nhưng rồi thằng con anh đi chui được nên vợ chồng anh được sang qua Mỹ theo diện ODP.

Trong các bạn bè, chị tôi thân nhất là bà vợ anh Toàn; cách đây một năm anh Toàn gởi thư về báo tin cho chị tôi rằng phu nhơn ảnh mất trí nhớ trầm trọng. Không lúc nào ảnh phiền muộn như trong thời gian gần đây. Tuy thế, mới đây chị Toàn về Việt Nam thăm gia đình thằng con trai, rồi đòi thăm Thụy Vũ.

Chị Thụy Vũ tôi bảo vào năm năm cuối của thập niên 80 (thế kỷ 20), không bao giờ vui hơn lúc này. Những văn nghệ sĩ còn kẹt lại Việt Nam xúm nhau họp bạn vui cười, có gì ăn nấy, có rượu đem ra uống tới chén choáng, không cần kể tháng ngày, Ông Trời sanh cô, thì Trời nhỏ sượng cho

cỏ sống xanh tươi ngăn ngắt. Bọn này gồm chị Nguyễn Thị Vinh, vợ chồng Nguyễn Đình Toàn, vợ chồng họa sĩ Nghiêu Đề, Lê Thị Ý, đôi khi có Nguyễn Thị Ngọc Minh.

Vợ chồng Nghiêu Đề sang Mỹ vào năm năm cuối của thập niên 80. Cách đó không lâu hai vợ chồng anh trở về thăm Việt Nam. Anh rủ anh Nguyễn Đình Toàn và Thụy Vũ đi Đà Lạt. Trong chuyến đó có thêm một thiếu phụ đã từng ái mộ anh Toàn.

Chị tôi bảo rằng tài bói quẻ trúng phong phúc là có ma dựa quẻ ám. Cho nên trong thời gian bói bài để kiếm tiền mưu sinh, chị bị một chứng bệnh kỳ lạ: Cứ ban đêm chị đau đớn khắp thân thể và có cảm tưởng tứ chi như bị bẻ lọi khắp các khớp xương. Và lúc ngủ, chị có cảm tưởng có ai kêu réo bên tai, trước khi chìm sâu vào ác mộng quái đản. Sau đó chị gặp một nhà sư khuyên chị nên bỏ nghề bói bài để tránh khỏi ma dựa quẻ ám. Chị tôi chẳng những bỏ nghề bói bài mà còn đem các con quỳ y tam bảo.

*

Nhắc tới Nghiêu Đề, tôi nhớ vào năm 1966, 1967 thi phải, lúc đó chị Thụy Vũ tôi muốn thực hiện cuốn *"Ba Miền Mười Khuôn Mặt"* gồm có Nhã Ca, Lê Tấn Điều, Nhật Tiến, Nguyễn Thụy Long, Viên Linh, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Dương Nghiễm Mậu, Nghiêu Đề... Hơn nửa thế kỷ trôi qua, tôi chỉ nhớ bấy nhiêu đó. Tôi đã từng đọc cuốn tùy bút *"Sợi Tóc Trăm Năm"* của Nghiêu Đề nên tìm tới nhà anh để mời anh cộng tác. Nhà của anh bày vài bức tranh sơn dầu vừa vẽ, xong, trên sàn gạch ngổn ngang những ống màu, những tập san văn chương. Thuở đó anh trạc tuổi hăm tám ba mươi, anh có vẻ lười cách phục sức. Nhưng anh đẹp trai, vẻ đẹp rất nghệ sĩ, tóc chải

TÌNH XA

*Tôi vỡ đất hoang cây lúa hiền
Bùng bùng nhịp sống mới lên men
Em từ du mục thời nguyên thủy
Đã bỏ xa tôi cõi muện phiên.*

*Lúa trổ đòng đòng thơm nắng hạ
Xanh non bờ cỏ gió bung biển
Hoang vu đến cả đời phiêu bạt
Xa chốn phồn hoa không tuổi tên.*

*Tôi ở bờ xa nghe gió lạ
Phiêu phiêu hồn mộng để say quên
Xuôi theo mạch đất phù sa mới
Nắng sớm mưa chiều gợi nhớ em.*

*Ai chở dùm tôi cơn bão táp
Xua tan mây khói thuở truân chuyên
Để còn đơn lẻ tình xa xứ
Gọi gió Thu về lá đổ thêm.*

Maryland, Thu 2012
Đăng Nguyên

không vén khéo, râu không khéo cạo gọt nên anh không thuộc tip người mày râu nhẵn nhụi áo quần bánh bao như tên Mã Giám sinh trong truyện. Kiều. Ánh mắt anh long lanh tinh quái, nụ cười dí dỏm và tuyệt đẹp như nụ cười của nam minh tinh Marlon Brando. Từ đó anh trở thành bạn thân của hai chị em chúng tôi.

Một hôm chị tôi đưa cho anh một số tiền mặt, bảo anh:

-- Coi bộ đạo này ông biếng nhác, làm người ếch, lặn sâu dưới đáy biển, không ai thấy tung tích ông ra sao. Đây là số tiền mặt, ông vẽ cho tôi hai cái tranh bìa sách, nếu thấy không đủ thì tôi sẽ đưa ông thêm. Nhớ vẽ cho xong trong hai tuần tới. Đừng có hứa ầu hứa tả rồi lặn sâu dưới đáy nước... Nghiêu Đề không làm con ma nhà họ Hứa. Cho nên bìa của hai cuốn tiểu thuyết "*Thủ Hoang*" và "*Ngọn Pháo Bông*" của chị do Nghiêu Đề chăm nom với màu thiên thanh, hồ thủy và cái tựa sách và tên tác giả lẫn tên nhà xuất bản màu đen lấp lánh. Nghiêu Đề là nghệ sĩ tài hoa trong nhóm Họa Sĩ Trẻ gồm có Nguyễn Trung, Đinh Cường, Nguyễn Khai, Lâm Triết, Lê Tài Điển, Hồ Hữu Thủ...

Có lần Thụy Vũ thú thiết với Nghiêu Đề và tôi :

-- Có lần tui đi lại nhà in để canh chừng coi anh thợ in pha màu đúng như màu của hình vẽ cái bìa hay không. Vì mang thai, ngồi hơi lâu nên tui ngủ gục. Anh thợ in đánh thức tui dậy và bảo rằng: "May cho bà. Nếu tôi pha màu ầu tả thì cái bìa sách làm bà kêu thất vọng, kêu ca om sòm. Biết đâu những thân chủ cũ của tôi sẽ rút lui có trật tự.

Về vụ in ấn bìa sách, nhà thơ nữ Hoàng Hương Trang, bạn thân của tôi cảm râm:

-- Tui vẽ cho con Lê Thị Ý cái bìa tập thơ của nó, dặn nó phải coi chừng màu. Ai để nó quên. Màu đen trước khi in phải pha một chút màu xanh để màu đen thêm óng ả, mượt mà như màu huyền hồ phách (ony). Nếu chỉ dùng màu đen thuần túy thì màu đen khi in ra sẽ mốc cời.

Dù chưa thấy tập thơ của chị Lê Thị Ý, nhưng tôi trở tài đĩa, tài xạo ra:

-- Ừ hén, màu đen không pha một chút màu xanh thì trở thành màu đen của cút chuột.

Chị Hoàng Hương Trang là bạn khá thân của Lê Thị Ý, nhưng giao du rất hời hợt với chị tôi.

Tập truyện "*Ba Miền Mười Khuôn Mặt*" do mười tác giả Bắc Trung Nam đóng góp, chị tôi chọn một tùy bút của Nghiêu Đề tựa là "*Ngôi Sao Miền Đông*" rất đẹp ở bút pháp, ở bối cảnh, ở nhạc điệu du dương như một bài thơ.

Tôi còn nhớ có một dạo tôi mập ú, phải làm *diet*. Mỗi ngày tôi chỉ ăn một bữa cơm trưa. Tôi không nhớ vào khoảng thời gian nào, lúc đó tôi làm việc ở Ban Thông tin Báo chí thuộc Quân đoàn III Quân Khu 3 (Biên Hòa). Trong vụ nghỉ phép thường niên, tôi ghé thăm Nghiêu Đề. Tới 12 giờ trưa, tôi kiêu từ anh để về nhà người bạn khác. Nhưng Nghiêu Đề giữ tôi lại dùng cơm trưa. Hai ba phen tôi từ chối. Anh tưởng tôi áy náy từ chối để khỏi làm khách cầu cơm. Thực ra, tôi giấu anh về việc tôi ăn uống ít oi để khỏi mập phì. Anh cứ nài ép tôi dùng làm khách khi đến thăm anh. Từ nhà bếp, mùi cá kho bay ngát tới phòng khách. Ôi chao! Tôi bỗng thèm ăn dữ dội. Thế nên tôi nhận lời dùng bữa với anh. Đó là cá linh, cá rói kho sả ớt. Đó là một bữa ăn xoàng. Nhưng bây giờ trên đất khách, mỗi khi tôi nhớ lại, lưỡi tôi như hóa lỏng, nước bọt ứa ra tràn họng. Hình ảnh anh tuy chậm chờn trong phút hồi tưởng mong manh, nhưng vẫn làm tôi bồi ngùi như nghe tiếng chuông hồi kim cổ từ đâu vang vọng lại.

Nghiêu Đề chết trên đất khách, vợ anh tuy tái giá, nhưng vẫn lui tới viếng thăm bạn cũ của chồng. Các con của anh đã ăn học thành tài. Chị Giang (vợ của anh) mỗi

khi viếng Thụy Vũ thường nhắc nhở tới anh và đoạn đời khổ cực của bạn bè quen thân đùm bọc với nhau. Đó là thời Cộng Sản siết chặt gọng kềm đối với phe Quốc gia xưa cũ trên đất nước.

*

Trước năm 1975, chị tôi không hề tiếp xúc với nhà văn Doãn Quốc Sĩ. Nhưng sau khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, Doãn Quốc Sĩ cho rằng cái quốc nạn của người quốc gia là chất xi-măng để cho các nghệ sĩ phe bại trận nối kết với nhau. Cho nên khi Thanh Tâm Tuyền vừa được phóng thích ra khỏi nhà tù của Cộng Sản, Doãn Quốc Sĩ, Tạ Tỵ cùng hai chị Thái Thanh và Nhã Ca đến thăm ông Tuyền.

Thụy Vũ trong cuộc điện đàm với tôi có cho tôi biết một lần nọ ông Doãn có tiếp xúc với chị và mời chị đi ăn. Ông hỏi:

-- Bây giờ đã đổi đời rồi, liệu em có thể viết lại không?

Trong lớp văn nghệ sĩ của Miền Nam Việt Nam, ai cũng biết cha tôi thân Cộng. Họ tưởng cha tôi sẽ giúp đỡ chị tôi viết lách lại. Cho nên ông Doãn mới hỏi như thế. Chị tôi phân trần:

-- Anh ơi, thườ trước em viết lách như anh em mình. Bây giờ thì em chỉ lách chớ không dám viết nữa đâu.

Trước năm 1975, nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng và chị tôi không thân với nhau. Cả hai có sự bất bình nho nhỏ, nhưng khá bén nhọn. Trước đó, chị tôi có lui tới với chị Hoàng để hỏi mua bản thảo truyện dài "*Vòng Tay Học Trò*" của chị ấy. Cũng xin nhắc lại cốt truyện. Đây là mối tình rất đẹp giữa cô giáo Trâm và cậu học sinh tên Minh. Hai nhân vật trong truyện này có thật, được tiểu thuyết hóa. Cô giáo Trâm là Nguyễn Thị Hoàng, còn cậu học sinh tên

thật là Mai Tiến Thành, về sau Thành là bạn thân của tôi. Qua hai cuộc tình với giáo sư Cung Giú Nguyễn và Mai Tiến Thành, chị Hoàng kết hôn với giáo sư Nguyễn Phúc Bửu Sum. Đấng trượng phu của chị Hoàng cường tráng đẹp trai. Khi cuốn *"Vòng Tay Học Trò"* chào đời, Mai Tiến Thành làm quen với chị tôi, yêu cầu chị đưa hẳn đến nhà chị Hoàng. Chị tôi nhận lời. Tại sao chị tôi không biết rằng cuộc viếng thăm đó làm cho chị Hoàng bị bẽ mặt, còn anh Bửu Sum lúng túng như con thằn lằn bò trong cái thúng?

Mai Tiến Thành có cho xuất bản 2 tác phẩm văn chương. Đó là *"Tiếng Nói Học Trò"* (tự truyện), *"Bi Ca Nhục Cảm"* (tập thơ).

Cũng xin nói rõ thêm: Nghiêu Đề là em con nhà cô của anh Bửu Sum.

Trong nhóm 5 nhà văn nữ thời danh Trùng Dương, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ thì Trùng Dương thân với Thụy Vũ, còn Nhã Ca thân với Nguyễn Thị Hoàng. Túy Hồng cũng như chị Nguyễn Thị Vinh (nhà văn) và chị Trần Thị Tuệ Mai (nhà thơ) thân mến với tất cả ngũ long công chúa trong làng văn của Miền Nam Việt Nam tự do.

Năm 2008 thì vợ chồng anh Nguyễn Xuân Hoàng về viếng Sài Gòn có đặt tiệc mời các nhà văn nhà thơ còn kẹt lại trên đất nước quê hương trong đó các nhà văn nữ có chữ Thị trong bút hiệu như Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Thị NH (Trần Thị Nguyệt Hồng), Ngô Thị Kim Cúc.

Hồi trước quốc nạn Nhã Ca viết cuốn truyện dài *"Phượng Hoàng"* quyết tâm biện hộ bạn Nguyễn Thị Hoàng của mình qua nữ nhân vật Phượng Hoàng.

Chị tôi bây giờ đã ăn chay và tu theo Pháp môn Tịnh Độ (bằng cách niệm A-di-đà Phật) đã gần 2 năm. Một hôm, trong tháng 11 của năm 2012, chợt nhớ tới Nguyễn Thị Hoàng, chị *phone* chị Hoàng. Cả hai cùng cảm động vì trên 30 năm qua cả hai chỉ có gặp một lần trong bữa dạ yến do vợ chồng anh Nguyễn Xuân Hoàng thiết đãi.

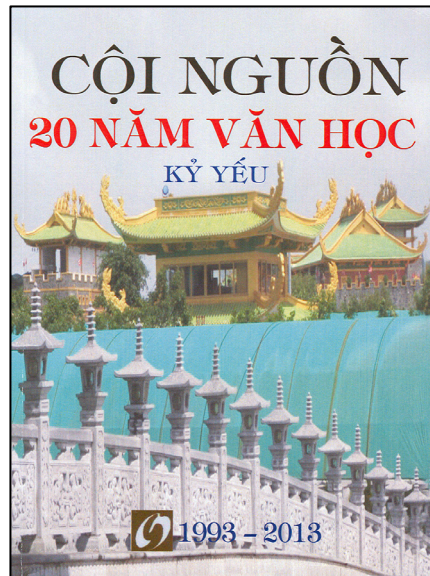
*

Người già thường sống trong dĩ vãng, dù dĩ vãng của mình bi thảm thì cái hiện tại của mình cũng như áng khói màn sương phảng phất một cách mơ hồ. Hướng hồ dĩ vãng của tôi có nhiều kỷ niệm đẹp, nhất là vào giai đoạn tôi lẩn xả vào hai thứ văn nghệ sáng tác (văn chương) và văn nghệ trình diễn (ca nhạc và kịch ảnh).

Xin cho tôi sống lại một thời hoặc một ngày với cái dĩ vãng lộng lẫy trong cõi xa xăm xưa cũ.

HỒ TRƯỜNG AN

Ngày 23 tháng 10 năm 2012



VÀO ĐẢNG

(trích trong hồi ký “CÁCH MỆNH MỘT THỜI”)

Vũ Minh Tấn

Lời giới thiệu: Bài viết sau đây trích từ hồi ký “**Cách Mệnh Một Thời**” của Vũ Minh Tấn, một đảng viên kỳ cựu của Đại Việt Quốc Dân Đảng, nằm trong số 25 người đầu tiên được huấn luyện tại căn cứ Lạc Triêu. Ông cũng là tác giả “**Công Dân Việt Sử**”, một cuốn sách giá trị về lịch sử nước Việt Nam từ thời lập quốc cho đến năm 1975, dày 444 trang khổ lớn với rất nhiều hình ảnh màu minh họa, và với cách trình bày mới mẻ rất hấp dẫn người đọc, mà bạn đọc có thể tham khảo trên trang mạng www.vietnam.webtoday.se.

Sau đây là một đoạn trích từ cuốn sách “**Cách Mệnh Một Thời**” nêu trên, về lên một bức tranh sống động và lý thú về một giai đoạn lịch sử còn rất cần được soi sáng bởi những người trong cuộc. Xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả. - **Thanh Quang**

1943: Tôi tròn 20 tuổi, vừa nhập học lớp “Dự Bị Y Khoa” của Đại Học Đông Dương để rồi hết năm học đó sẽ thi vào năm thứ nhất Y Khoa chính-thức.

Đông-Pháp vẫn còn thuộc quyền cai-trị của nước Pháp dưới chính-phủ Vichy, với thống-chế Pétain làm quốc-trưởng. Tại Hà Nội, “Đại Học Đông Dương” hay “*Université de l’Indochine*” đã có từ lâu, nhưng sinh-viên gần như chỉ có từ hai phần Bắc và Trung-Kỳ tới theo học. Người Nam thường tìm vào các đại-học ở ngay Pháp. Sau khi giao-thông giữa Pháp và Đông-Á bị cắt-đoạn, sinh-viên trong toàn-thể Đông-Pháp đều phải tập-trung tại Hà-Nội tại đó, theo mẫu Paris, chính-quyền cũng đã cho xây một làng học-xá, chỗ tụ-hợp của đủ mọi thanh-niên trí-thức để ... dần-dần trở thành một cái tổ phiến-loạn, một cái lò thuốc súng chỉ đợi dịp bùng nổ mà Pháp không tránh được hậu-quả. Tuy chính-

quyền tại Đông-Pháp thời đó, dưới vị Toàn-Quyền cuối cùng là Thống-Độc Decoux, đã cố-khinh tìm ra nhiều thay-đổi để phản háp-dẫn dân bản-xứ, phần để tranh-dành ảnh-hưởng với Nhật như: Tổ-chức thanh-niên thể-thao từ thành-thị tới thôn-quê; Mở những lớp huấn-luyện cứu-thương, phòng-thủ thụ-động; Tổ-chức hội-đồng hàng xã v.v.

Cái kỳ thi nhập vào chính-thức Y Khoa này cũng chỉ là một trong những mảnh-khoé của chính-phủ “Cách-mệnh Quốc-gia” đó của chế-độ Pétain để xác-nhận việc muốn khai-tử cái chế-độ “Tự-do, Bình-đẳng, Huynh-đệ” của Đệ-tam Cộng-Hòa-Pháp, và thay nó bằng cái chế-độ “Cần-Lao, Gia-đình, Tổ-quốc” của Quốc-Gia-Pháp. Lớp Dự-Bị vào Y-khoa đó cũng vẫn dạy qua những môn cũ của lớp PCB (Lý-Hóa-Sinh) ngày xưa, nhưng thêm vào đó, sinh-viên cũng đã được một lần mỗi tuần khoác chiếc áo dài trắng để theo đuôi mấy anh lớn đi vòng buổi sáng qua các ban

trong bệnh-viện Yersin và để ”nhìn ... đàn bà” như bà cô Giáo Ngô số-sàng thổ-lộ ra. Một trong những đổi-thay đã đột-nhiên xoay hẳn vận-mệnh của tôi.

Ngay ngày đầu tiên mới ngồi vào ghế Y-Khoa tôi đã được gặp Bầy Cảnh¹, một sinh-viên người Nam từ Gò-Công tới ngồi vào cạnh và lập-tức bắt chuyện. Tôi thì lại vốn tính tò-mò và hiếu tân nên bắt bạn ngay. Vừa sau khi kết thân với một anh người Quảng-Châu, nay lại đến lượt một anh người Gò-Công. Sau 80 năm cai-trị Việt-Nam, người Pháp đã thành-công trong việc chia rẽ Bắc Nam đến nỗi với con mắt người Bắc như tôi hồi đó, người Nam là một người ngoại-quốc như tất cả những người ngoại-quốc khác, ”dân Tây”². Bầy Cảnh rất

¹ Phạm Đăng-Cảnh, thân cận của Anh Cả Phương (Trương Tử-Anh) người sáng-lập và đảng-trưởng Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng. Anh này, trong suốt cả thời-kỳ ba bốn mươi năm Đại-Việt, nhất nhất đi theo đường lối hoạt-động của đảng-trưởng, nghĩa là hoàn-toàn trong bí-mật, không bao giờ đứng ra công-khai hay nhậm một chức-vụ gì, ngay cả dưới thời-kỳ Nguyễn Tôn-Hoàn và Phan Huy-Quát ra lập chính-phủ dưới Đệ-Nhị Cộng-Hòa. Tôi lãng quên mất bí danh đầu của anh. Chỉ nhớ là dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, anh vẫn tiếp tục làm việc trong bóng tối (cũng như tất cả anh em Đại-Việt thời đó) dưới tên Khôi. Sau 1975 anh tiếp-tục làm việc đảng với chức chủ-tịch trong khi anh tôi là Phan giữ chức phó chủ-tịch.

² Tuy rằng theo hòa-ước Pháp-Việt thời đó người Việt sinh tại Hà-Nội, Hải-Phòng và một vài thành-phố lớn nữa cũng là công-dân Pháp như những người Việt sinh tại Nam-Kỳ, nhưng với người Bắc thời đó thì Ta vẫn là Ta, Tây cũng vẫn cứ là Tây, phân-biệt như vậy. Thật ra thì người Việt trong Nam cũng cùng một tu-tướng nhưng hồi đó tôi đâu có biết.

thân-mật và là người ”ngoại-quốc” đầu tiên mời tôi tới tận nhà ăn cơm và bàn-bạc. Trước hết tôi ngạc-nhiên vì cái củ-chỉ của một ”người Tây” đối với một người “bản-xứ” như tôi để rồi dần-dần khám-phá được ra rằng anh cũng ”Ta” như tôi chứ không phải là ”Tây” như tôi vẫn tưởng.

Không lâu, sau khi Cảnh không những đã chỉ làm cho tôi hay là anh cũng Ta như tôi mà lại còn cho hay là anh đã từ lâu hoạt-động trong một đảng cách-mệnh quốc-gia, với mục-đích là chống Pháp để tranh-đấu lấy lại độc-lập cho Việt-Nam. Thế là tôi “sa vào bẫy”. Mà lúc đó không phải chỉ có tôi mới dễ bị lôi-kéo vào phong-trào. Bầu không-khí trong các thành-phố lớn tại Việt-Nam thời đó - nhất là tại thủ-đô Hà-Nội, với đại-học và ba bốn trường trung-học - các chính-đảng mọc lên như nấm và đua nhau tuyên-truyền trong các giới thanh-niên và sinh-viên, là những nơi dễ bị truyền-nhiễm hơn hết. Với một thể-hệ thanh-niên chán-nản việc học- hành và thời-thế; Với những tin-tức như “Phục-Quốc-Quân” do Nhật đưa về lập chiến-khu chống Pháp để rồi bị bỏ rơi cho Pháp tiêu-diệt; Rồi đến tin những danh-nhân như Trần Trọng-Kim, Nguyễn Tường-Tam, Ngô Đình-

Diệm bị Pháp tình-nghi muốn bắt nhưng được Nhật che-chỡ và gửi ra đi ngoại quốc. Và sau hết với tin-tức chiến-khu Việt-Minh tại Thái-Nguyên cũng đã bắt đầu có gửi cán-bộ xuống các tỉnh đồng-bằng để tuyên-truyền và hoạt-động khủng-bố

Tuổi Trẻ Yêu Nước!

Mến tặng Anh Bình và Việt Khang, hai nhạc sĩ trẻ vừa bị nhà cầm quyền CSVN, tay sai Tàu Cộng kết án người thì 6 năm, người thì 4 năm tù vì “tội” sáng tác nhạc nói lên lòng yêu nước.

**Việt Nam Tuổi Trẻ anh hùng
Hôm nay cương quyết chẳng dung giặc Tàu
Ngẩng đầu không hổ ngàn sau
Cùng nhau chia sẻ nỗi đau giống nòi!
Biên cương lãnh thổ rạch ròi
Gươm thiêng ái quốc trắng soi đá vàng
Anh Bình cùng với Việt Khang
Hai chàng nhạc sĩ mờ Trang Sử Hùng!**

30.10.2012

Hồ Công Tâm

“agitprop” ... thanh-niên thời đó không còn ai là người đã bị bỏ qua, hay được quên đi, ra ngoài cái phong-trào yêu nước đó.

Rồi, một hôm, nghe như tôi đã chín muối, Bẫy Cảnh dí vào tay tôi một cuốn sổ bằng cỡ một bàn tay mang tên “Tuyên-ngôn của Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng”, với những lời lẽ khiêu-kích nói về thành-tích của tổ-tiên chống ngoại-xâm, với những nhắc-nhở tới những lãnh-tụ sáng-suốt v.v. Thế là thuốc đã bén mùi. Chỉ còn chuyện tò-mò, dĩ-nhiên, muốn biết những lãnh-tụ đó là ai. Những tên như Nguyễn Hải-Thần, Vũ Hồng-Khanh lúc đó chưa mấy ai biết tới. Ngoài Cường-Đề từ Nhật và những danh-nhân như đã kể đang được Pháp-Nhật tranh-chấp, chỉ còn tên Nguyễn Ái-Quốc mà, dù bị cấm- đoán, theo-đuổi, chóc-nã, tù-tội đến đâu nữa, vẫn là cái tên mà không ai tránh PHẢI nghe tới. Cái tên, cái người mà ai cũng biết là đã từng được huấn-luyện thành nhà cách-mệnh chuyên-nghiep tại Liên-Xô, nhưng đối với người Việt-Nam yêu nước lúc đó cũng chỉ là

một người cách-mệnh ái-quốc mà thôi. Khi được hỏi tới, Bẫy Cảnh trả lời rằng “*Nguyễn Ái-Quốc cũng là người mình³ ... Nhưng còn nhiều nhân-vật khác sáng-suốt hơn*”.

Đến ngày tuyên-thệ nhập đảng, Cảnh gọi tôi đến nhà, trước một “Bàn-thờ Tổ-Quốc” bày-bien trong một góc phòng, với bản tuyên-ngôn giữa hương nến ... Tôi vừa để tay lên cuốn “Tuyên-ngôn” thì từ trong phòng trong đi tới một thanh-niên, mặt mày nghiêm-khắc, đặt mạnh xuống mặt bàn thờ một khẩu súng lục, đồng thời Cảnh giới-thiệu “*Đồng-chí Bằng, Ủy-ban Ám-sát*”. Và lẽ dĩ-nhiên cái dàn cảnh trò tuồng bất ngờ đó cũng đủ để làm cho rúng-động con tim của một thanh-niên chưa từng bao giờ được trông thấy những đồ quốc-cấm

³ Thật ra thì Cảnh không nói dối tôi vì trong thời kỳ đó Trương Phát-Khuê đã tại Liễu-Châu tập-hợp được tất cả mọi lãnh-tụ cách-mệnh Việt-Nam có mặt tại Trung-Hoa để thành-lập « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội » với Nguyễn Hải-Thần làm Chủ-Tịch và Hồ Chí-Minh làm Phó-Chủ-Tịch.

đó. Thêm vào đó là những cảnh-cáo về hình-phạt dành riêng cho những đảng-viên phản-quốc, phản-đảng v.v. Đây là những kinh-nghiệm mà tới đó tôi chỉ được giấu-giếm đọc qua trong những lịch-sử về “hội-kín, hội mở”. Đồng-thời tôi cũng cảm thấy một niềm kiêu-hãnh khác-thường là từ giờ phút này, tôi đã gia-nhập một đoàn-thể có kỷ-cương để bảo-vệ quốc-gia và trừng-phạt những kẻ nào phạm tới nó. Ngay sau đó, có tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa chớp nhà Cảnh: Một người lớn tuổi, mang kính cận-thị nặng, trừng-trừng nhìn vào mặt tôi và trao-đổi một vài câu lặng-lẽ với Cảnh và Bằng, để rồi lại chớp-nhoáng biến đi. Cảnh khẽ bảo tôi: “Anh Phương”⁴. Đầu óc tôi còn đang hoang-mang với khẩu súng lục sỗ-sàng đập xuống mặt bàn và những lời cảnh-cáo vu-vơ nên cũng chẳng nghĩ tới đó chính là Đảng-Trưởng Trương Tử-Anh mà sau này còn nhiều lần anh em nhắc tới với những luận-điều tâng-bốc lên như một vị thánh-thần.

Trong khi chờ đợi, trách-nhiệm đầu tiên mà đảng giao-phó cho mỗi đảng-viên là tiếp-tục tuyên-truyền tuyên-ngôn của đảng và “lấy người”, lấy đảng-viên mới, tự lập-thành chi-bộ, rồi với thời-gian khu-bộ, thành-bộ, tinh-bộ v.v. và ... đồng-thời “phản tuyên-truyền” các đảng-phái khác ... đặc-biệt là Cộng-Sản.

Mà Cộng-sản thì lúc đó chưa ai nghĩ tới. Ngay đến Việt-Minh, tuy hoàn-toàn là do những nhân-vật Cộng-Sản lão-thành như

⁴ Trương Tử-Anh, người sáng-lập và đảng-trưởng Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng, tên thật là uTrương Khán. Còn được gọi là Khán Li, có lẽ cũng nhắc tới thành ngữ “gan lì tướng công”.

Hồ Chí-Minh, Trường-Chinh, Võ Nguyên-Giáp lãnh-đạo nhưng cũng vẫn còn mang một bộ mặt nạ “Cứu-quốc” mà thôi. Còn về những nhóm “quốc-gia thuần-túy” và công-khai thì cũng đã có tới nửa chục, với những nhóm nhỏ năm ba chục người là nhiều, với những tôn-chỉ, lý-thuyết mù mờ như:

1. Đại-Việt Dân-Chính của Nguyễn Tường-Tam, tụ họp quanh nhóm “Tự-Lực Văn-Đoàn” và dựng trên chính-thể dân-chủ tư-bản của Tây-Âu;

2. Đại-Việt Dân-Xã của Nguyễn Xuân-Tiểu, hoàn-toàn giập theo lý-thuyết Nazi (Quốc-gia Xã-hội) của Hitler;

3. Phục-Quốc-Quân hoàn-toàn dựa vào tên cựu hoàng-thân Cường-Đề ở Nhật;

4. Đại-Việt Duy-Dân của Lý Đông-A với một lý-thuyết truyền-thống lơ-mơ.

Đây mới là chỉ nói tới những nhóm hoạt-động cách-mệnh ngoài Bắc hồi đó. Còn tại trong Nam thì, ngoài nửa chục nhóm chính-trị đủ mọi xu-hướng, từ cực hữu thân Pháp tới cực tả như Đệ-tam Cộng-Sản, Đệ-tứ Cộng-Sản, lại còn những giáo-phái như Cao-Đài, Hoà-Hảo, đến cả những phường lưu-manh như giặc-cướp Bình-Xuyên, cũng lục-tục theo nhau tranh-dành “truyền-giáo”, công-kích nhau, đánh lộn với nhau.

Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng của Trương Tử-Anh hoạt-động trước hết trong giới trung-lưu như công-chức, thương-gia v.v., tại chốn thành-thị, và nhất là trong giới trí-thức, sinh-viên đại-học, trung-học v.v. Vào lúc tôi gia-nhập thì đảng cũng đã bắt đầu xâm-nhập vào thôn-quê với những nhân-vật trong giới cầm quyền như quan-trưởng, hào-lý v.v.

“Dân-Tộc Sinh-Tồn”, lý-thuyết căn-bản của Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng chủ-

trương xây-dựng một chế-độ **“Đảm-bảo và dung-hòa sự sinh-tồn cá-nhân và sinh-tồn dân-tộc. Bảo-vệ quyền-lợi quốc-gia mình và dung-hòa quyền-lợi của quốc-gia mình với các quốc-gia khác. Tích-cực đóng góp vào việc tạo-dựng sự hài-hòa giữa các dân-tộc. Cổ-võ sự hợp-tác quốc-tế, mưu-cầu sự thịnh-vượng và hoà-bình chung cho loài người”**. .. thật là cả một cảnh “Thế-Giới Đại Hòa” nếu ta chạnh lòng nhớ tới “Thế-Giới Đại Đồng” của Cộng Sản. Nhưng trên mặt thực-tế thì ĐVQĐĐ lại cho rằng muốn thành công cần phải áp-dụng “Lãnh-tụ-chế” theo kiểu phát-xít của Mussolini và quốc-xã của Hitler tại Tây-Âu.

Chính là trong cái bầu không-khí sôi-sùng-sục như trong một cái nồi súp “tả-pí-lù” đó mà tôi đã nhận nhiệm-vụ “truyền-giáo” để kiếm người vào việc giải-phóng dân-tộc và kiến-thiết quốc-gia, và cũng là dịp đầu tiên được đi ra đụng-chạm với đời và kinh-nghiệm thực-tế xã-hội của một thanh-niên tuy đã 20 tuổi mà chưa bao giờ đi qua được cái ngưỡng cửa của một gia-đình trung-lưu đông-phương.

Và kinh-nghiệm với đời thật là quý-báu. Sốt-sắng với nhiệm-vụ thiêng-liêng mới tới, bỏ cả học-hành, tôi vụng-về ra đi tìm kiếm những con mồi mới cho ĐVQĐĐ. Một trong những “nạn nhân” đầu là Huấn, người phố Hàng Thuốc Bắc và đồng-học tại đại-học. Huấn và tôi thì thường ngày gặp nhau tại thư-viện tại phố Tràng-thị để đọc sách. Trong khi tôi còn đang lúng-túng tìm lý-luận để trình-bày « Dân-tộc sinh-tồn » của tôi thì Huấn⁵ đột-

⁵ Huấn mất tích không lâu sau đó trong một vụ công-tác vượt Lào tới Thái-Lan để, với một số tiền

nhiên cắt lời: *“Thế là mày ở Đại-Việt rồi à? Tao cũng đang muốn tuyên-truyền mày cùng vào Việt-Minh. Tao cũng chỉ mới vào được hai tháng, nhưng thấy cũng hay lắm!”*. Đây cái nhiệm-vụ mới là như vậy đấy. Khô nổi, sốt-sắng thì vẫn sốt-sắng nhưng tôi thì tính đã nhút-nhát, thụ-động, lại không có tài thu-phục nhân tâm nên kết-quả cũng chẳng được là bao nhiêu. Một vài chi-bộ gì đó. Cũng vì rằng hoạt-động tuyên-truyền cách-mệnh hồi đó không phải là không nguy-hiểm. Mật-thám Pháp luôn luôn theo dõi, nhất là trong giới thanh-niên đại-học. Chẳng may gặp phải một người nào đó trong hàng-ngũ chó săn là tức khắc bị bắt, rồi tra-tấn, tù-tội, đầy-ải ngay. Đảng-trưởng tới đó cũng đã hai ba lần gì đó bị rơi vào cảnh này và chính trong lúc tôi vào tuyên-thệ, ông vẫn còn sống trong bí-mật trốn-tránh.

Qua khỏi mùa hè 1944, tôi trở lại “Lớp Dự-Bị Y-Khoa”, lớp cũ để tiếp-tục học hành và làm việc đảng cho tới ngày mồng chín tháng ba 1945 khi Nhật làm đảo-chính, các trường học cũng như mọi cơ-quan cai-trị cũ của Pháp đều bị đóng cửa và các đảng-phái quay từ bí-mật sang thời-kỳ bán-công-khai với chính-quyền mới: Toàn-quyền Nhật, Thống-Sứ Nhật, quân-đội Nhật và ... mật-thám, công-an Nhật.

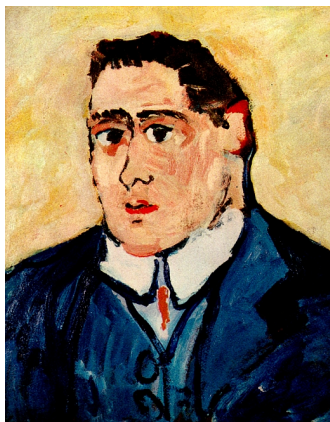
rất lớn, tìm mua vũ-khí cho Cứu-Quốc-Quân. Vậy thì - mày tao cũng vậy, Việt-Minh hay Đại-Việt cũng rứa - thanh-niên sinh-viên như chúng tôi thời đó được trao cho những nhiệm-vụ quá cao trên mọi kinh-nghiệm về đời sống của một trai thời loạn.

Vần thơ tình bất hủ: Le Pont Mirabeau

Nhà Thơ Tiền Phong Của Phái Siêu Thực: Guillaume Apollinaire (1880-1918)

Phạm Trọng Lê

Apollinaire tên thật có chỗ ghi là Wilhelm Apollinairis de Kostrowitzki, sinh ở La-Mã, mẹ người dòng quý phái Ba-Lan, sống nay đây mai đó, cha có lẽ là một sĩ quan người Ý và chính thân phận con hoang khiến thi sĩ suốt đời đi tìm nguồn gốc của mình. Cuối thế kỷ 19, Apollinaire đến Paris, vô gia đình, vô xứ sở. Ông nổi tiếng rất nhanh trong phong trào thơ mới. Chơi với các họa sĩ lập thể như Picasso và Braque cùng các nghệ sĩ tiên phong trong phong trào thơ mới. Viết phê bình về họa lập thể trong cuốn Les fenêtres cubistes (1913). Cũng năm đó, nhà xuất bản Mercure de France in tác phẩm Alcools, và nhờ tập thơ này ông phục hồi được uy tín sau khi bị hàm oan vì nghi dính líu trong vụ bức họa MONA LISA bị ăn trộm. Sống hết mình, tính tình có lúc khó hiểu, hay bốc đồng, nói chuyện có duyên, ăn nhiều, uống khỏe, yêu hết lòng, có lúc sống như một người ngoan đạo, quảng đại với bạn bè. Nhưng trên hết, ông là một tay cách mạng thơ văn, tìm hiểu những vùng ý-thức bằng lòng quả cảm và tinh khiết của thơ mình. Nhận xứ Pháp là quê hương. Trong đệ nhất Thế chiến, năm 1914, đi lính, ra trận, bị thương nặng ở đầu



khí ở giao thông hào; trở về Paris, nằm nhà thương, nhưng vẫn làm thơ, Cho ra đời tập thơ Calligrammes với thí nghiệm về chính

tả và văn phạm; người đầu tiên dùng chữ « **surréalisme** » (siêu thực); tác giả bài nói chuyện quan trọng, « Tinh thần mới và thi sĩ ». Lập gia đình được 5 tháng thì chết vì cúm. Đám tang ông được di chuyển qua đường phố Paris, lúc đó, 1918, mùa mai thay, đang hân hoan đón mừng lễ đình chiến. Mộ ông đặt ở nghĩa địa Père-Lachaise ở Paris.

Nếu ngày nay, kể từ giữa thập niên 60, khi ta nghe bài Mùa Thu Chết do Phạm Duy phổ nhạc, ta cũng nên biết thêm về gốc của lời Việt bản nhạc đó. Nhạc sĩ Phạm Duy đã lấy ý bản Mùa Thu Chết từ bài thơ « Lời vĩnh biệt » của Bùi Giáng, người dịch thoát bài thơ **L'adieu** của Apollinaire: (« Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo/Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi... » J'ai cueilli ce brin de bruyère. L'automne est morte souviens-t'en. Nous ne nous verrons plus sur terre. Odeur du temp brin de bruyère. Et souviens-toi que je t'attends. Và ý thơ **odeur du temps**-- có lẽ do Apollinaire dùng đầu tiên-- đã được Đoàn Phú Tứ chuyển thành « **hương thời gian** » trong bài thơ « Mâu thời gian » bất hủ của ông

(« Hương thời gian thanh thanh. Màu thời gian tím ngắt »).

Đặc điểm thơ Apollinaire

Thơ ông có những đặc điểm: các đơn vị cú pháp--cụm từ, dòng, đoạn thơ--tả rõ ràng với nhiều nhịp điệu và thi ảnh mà người đọc phải hiểu cả những đoạn bỏ trống thì mới cảm được hết thơ ông. Ông cũng bỏ hết dấu chấm câu, để duy trì liên tục của giọng ý thức. Thơ ông vẫn giữ truyền thống thơ văn, và chủ đề bị ai, pha trộn giữ nhịp điệu cổ điển, tự do và vẻ tự nhiên. Theo ông, thơ phải thể hiện mọi khía cạnh cuộc đời chứ không chỉ bó buộc vào một lời diễn tả riêng biệt nào: « *Một chiếc khăn rơi có thể, đối với thi sĩ, là một cái đòn bẩy để ông lật bổng vũ trụ.* » Theo ông, người làm thơ chuyển những gì tâm thường thành phi thường, đổi kinh nghiệm phong phú thành huyền thoại bằng óc sáng tạo nóng bỏng của mình, dồn cả quá khứ và hiện tại thành một « lò than hồng » để đạt đến một sự lột vỏ tuyệt vời. Như vậy ông đã giúp miền ý thức của ta vượt qua những gì bình thường quen thuộc, đi sâu vào miền vô thức. Ông là người đi đầu trong phong trào siêu thực của thơ mới cùng với những thi sĩ như Jacques Prévert, Jean Cocteau (tại Pháp); Dylan Thomas (tại Anh), e.e. cummings và William Carlos Williams (tại Mỹ). Có khi thơ ông là lời đối thoại nghe được ngoài đường phố. Trong tập Calligrammes (1918) ông dùng chữ xếp lại thành hình đồ vật như đồng hồ, mưa, tháp Eiffel. Cách xếp chữ thành hình gọi cảm này lúc đó bị coi như lập dị.

Le Pont Mirabeau

Bài thơ « Le pont Mirabeau » dưới đây là bài thơ tình bất hủ của Apollinaire, tả nỗi khắc khoải của tình yêu qua rồi. Bài thơ có hai hình ảnh:

Thi ảnh 1 (câu 1 mượn ý Kiều) :
Dưới cầu nước chảy trong veo/Thời gian trôi mãi, chuông chiều chậm buồn.

Thi ảnh 2: Trên cầu, đôi tình nhân, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, đôi tay vòng như nhịp cầu, ánh mắt nhìn như sóng nước mỗi mệt mà không cùng; thời gian tưởng là yếu tố quan trọng mà không bằng cái bất diệt và vĩnh cửu của ánh mắt hai kẻ yêu nhau. Như Plato đã nói cách đây trên 24 thế kỷ: “Khi yêu, ai cũng thành thi sĩ,” “At the touch of love, everyone becomes a poet.”

Le pont Mirabeau
Sous le pont Mirabeau coule la Seine
Et nos amours
Faut-il qu'il m'en souvienn
La joie venait toujours après la peine

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

Les mains dans les mains restons face à face
Tandis que sous
Le pont de nos bras passe
Des éternels regards l'onde si lasse

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

L'amour s'en va comme cette eau courante
L'amour s'en va
Come la vie est lente
Et comme l'Espérance est violente

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure
Passent les jours et passent les semaines
Ni temps passé
Ni les amours reviennent
Sous le pont Mirabeau coule la Seine

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

Dịch nguyên văn

Cầu Mirabeau

Dưới cầu Mirabeau giòng sông Seine vẫn
chảy xuôi

Như tình ta

Ta còn phải nhớ lại chẳng

Sau mỗi niềm vui là những nỗi đau

Cứ để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điếm ngày tàn

Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại

Tay trong tay mặt nhìn mặt mình cùng
đứng khi dưới

vòng tay đôi ta sóng mắt mỗi mệt của
những nét nhìn vô tận trôi qua

Cứ để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điếm ngày tàn

Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại.

Tình yêu trôi qua như giòng nước trong chảy

Tình yêu trôi đi

Đời thiệt là chậm

Ước vọng thật cuồng nhiệt

Để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điếm ngày tàn

Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại

Những ngày qua những tuần qua

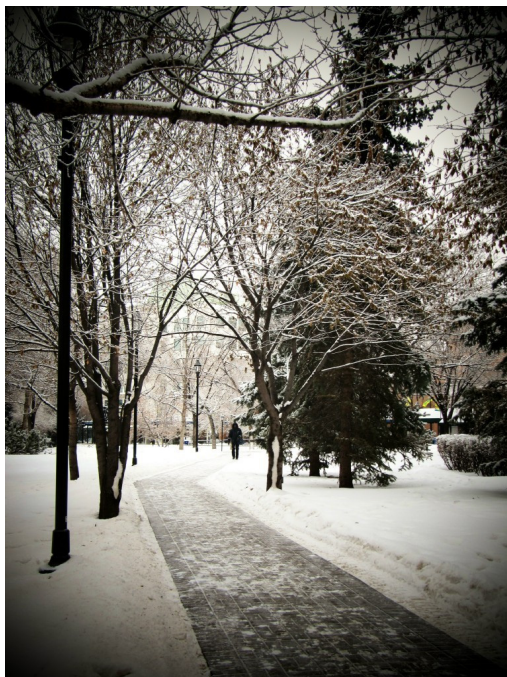
Thời gian trôi

Tình yêu đi rồi chẳng bao giờ trở lại

Dưới cầu Mirabeau nước sông Seine vẫn
trôi xuôi

Cứ để đêm đến để tiếng chuông buông giọt buồn
điếm ngày tàn

Ngày qua mau mà mình ta vẫn ở lại



Ảnh: **Lạnh lòng - MINH CHÂU**

Dịch thành văn vần

Cầu Mĩ-Áo

Dưới chân cầu Mĩ-Áo

Sông Seine vẫn chảy xuôi

Nhớ tình ta ngày nào

Nỗi đau nỗi niềm vui

Màn đêm buông, tiếng chuông buồn

Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây

Nhìn nhau tay cầm tay

Vòng tay như cầu vòng

Mắt nhìn dù mỗi dợt

Ánh mắt vẫn không cùng

Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây

Tình yêu như nước chảy
Cứ miên miệt trôi mau
Đời, ôi, sao chậm vậy
Ước vọng, ôi, cuồn đàu

Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây.

Thời gian vẫn trôi qua
Tình yêu không trở lại
Dưới chân cầu xa xa
Nước sông trôi...trôi hoài

Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây
(Phạm Trọng Lệ phỏng dịch, 1993)

-Bản dịch sang tiếng Anh của Richard Wilbur

Mirabeau Bridge

Under the Mirabeau Bridge there flows the Seine
Must I recall
Our love recall how then
After each sorrow joy came back again
Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

Hands joined and face to face let's stay just so
While underneath

The bridge of our arms shall go
Weary of endless looks the river's flow

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

All love goes by as water to the sea
All love goes by
How slow life seems to me
How violent the hope of love can be

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

The days the weeks pass by beyond our ken
Neither time past
Nor love comes back again
Under the Mirabeau Bridge there flows the Seine

Let night come on bells end the day
The days go by still I stay.

Richard Wilbur, *New and Collected Poems*, 1988; (Rpt. In Katharine Wasburn and John S. Major, eds. *WORLD POETRY*. New York: W.W. Norton, 1998, p. 1046-1047).

Chú thích:

1. Có nhiều dịch giả đã dịch bài thơ này sang tiếng Anh, trong đó có lẽ bản dịch của thi sĩ Richard Wilbur được coi là hay:

All love goes by as water to the sea
All love goes by
How slow life seems to me
How violent the hope of love can be

Hãy so sánh đoạn láy lại do ba người dịch:

« Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure »

Night must come the hour go by
The days move swiftly on not I
(W.J. Strachan)

Night comes the hour is rung
The days go I remain
(W.S. Merwin)

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay
(Richard Wilbur)

2. Cổ thi sĩ và biên khảo gia Tô Giang Từ Nguyễn Quang Nhạ, trong tập thơ Tuyển

Tập Thi Phẩm, in tại McLean, Virginia, 1989, có dịch bài Le Pont Mirabeau sang thơ Việt, trang 382-383:

Nhìn sông chảy dưới cầu cuộn cuộn,
Mỗi tình qua hồi tưởng nghẹn ngào.
Vui sầu tiếp nối dạt dào,
Quần chi đêm xuống, sá nào giờ trôi?

Ngày cứ khuất chẳng rời chỗ đứng,
Đôi diện nhau, tương ứng cầm tay.
Dưới vòng tay khoác “cầu xây”
Sóng sông luôn chảy chiều ngậm nhãn tuyên!

Đêm cứ đến, liên miên giờ điếm,
Ngày cứ qua, chẳng chuyển, chẳng rời!
Bồng đầu tình ái biển rồi!
Tựa dòng nước chảy cuốn lôi nẻo nào!

Đời chậm lại lao đao ước vọng,
Đêm cứ về chuông dọng giờ khuya!
Lần lần ngày nọ, buổi kia,
Trơ trơ đứng đó chẳng xê dịch gì.

Ngày, tuần cứ trôi đi hờ hững,
Niềm vui xưa tình cũng chẳng hỏi!
Dưới cầu sóng vỗ, nước trôi,
Màn đêm vẫn xuống, chuông thôi thúc giờ...

...Ngày qua ta vẫn đứng trơ !...
(**Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ** dịch, 1989)

3. Ghi chú: Trong một số Firmament, Văn thi hữu **Sóng Việt Đàm Giang**, trong một bài viết về những cây cầu lịch sử ở Paris, có một phần nói về Le pont Mirabeau và có dịch bài thơ này sang tiếng Việt.

Cầu Mirabeau

Dưới cầu Mirabeau dòng sông Seine nước chảy
Như tình chúng mình
Có cần phải tự nhắc rằng
Niềm vui nào có cũng sau buồn phiền đón đau

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Hãy nắm tay nhau và giữ mặt đối nhau đây
Trong cùng lúc này
Dưới cầu tay chúng mình là
Làn sóng mặt trời của ánh mắt nhìn thiên thu

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Tình qua đi chẳng khác chi giòng nước
chảy miết
Tình yêu qua đi
Sao cuộc đời chậm thế
Và Hy-vọng sao mà lại mãnh liệt quá thay

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Hàng ngày trôi qua và hàng tuần cũng trôi qua
Chẳng thời quá khứ
Chẳng kỷ niệm tình trở lại
Dưới cầu Mirabeau dòng sông Seine nước chảy
Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây
(**Sóng Việt Đàm Giang** phỏng dịch,
January, 2010)

4. Bài dịch sang tiếng Anh của W.S. Merwin

The Mirabeau Bridge

Under the Mirabeau Bridge the Seine
Flows and our love
Must I be reminded again
How joy came always after pain
Night comes the hour is rung
The days go I remain
Hands within hands we stand face to face
While underneath
The bridge of our arms passes

The loose wave of our gazing which is endless

Night comes the hour is rung
The days go I remain

Love slips away like this water flowing
Love slips away
How slow life is in its going
And hope is so violent a thing

Night comes the hour is rung
The days go I remain
The days pass the weeks pass and are gone
Neither time that is gone
Nor love ever returns again

Night comes the hour is rung
The days go I remain
(Translation by W.S. Merwin)

5. Tham khảo:

fr.wikipedia.org/wiki/Guillaume_Apollinaire

6. Nghe đọc Thơ và Thơ Phổ nhạc

-Nghe giọng Apollinaire đọc bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/watch?v=eCpg6SMzXC4>
<http://www.ubu.com/sound/app.html>

-Nghe giọng Yvette Giraud (ca sĩ nổi tiếng người Pháp sinh ở Paris năm 1916) hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/v=VKXtT-8Inog>

-Marc Lavoine phổ nhạc (2001) và hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/feature=endscreen&NR=1&v=gwDcIaXBCMI>

-Ban nhạc The Pogues hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/watch?v=5vOhI8iMrg8>
(Viết xong Virginia, Apr. 1993; sửa lại 10/30/12—PTLê)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ

(tiếp theo)

Đỗ Bình

Một lần họp bạn văn thơ, học giả GS Võ Thu Tịnh, tác giả nhiều bộ sách viết về văn hóa VN, ông Sanh ngày: 2 07 1920, tại làng Long Phước, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bút hiệu : Thu Tâm, chuyên biên khảo về văn học V.N cho các tạp chí Pháp ngữ, Việt ngữ tại Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển. Đã xuất bản 20 đầu sách PHÁP VIỆT. Nguyên Giám Đốc Thông tin Trung phần (Huế 1955-56), rồi Nam phần (Saigon 1955- 1961). Trong thời gian ấy, làm trưởng phái đoàn Báo chí Cộng Hòa Miền Nam VN dự hội nghị Ban Dung (Nam Dương 1955) với tư cách quan sát viên. Năm 1961 từ chức Giám đốc, làm giáo sư các tư thục Saigon (Hung Đạo, Nguyễn Bá Tông, Nguyễn Công Trứ, Thăng Long...). Sáng lập viên và chủ nhiệm tạp chí văn hóa chính trị Mùa Lúa Mới (Huế 1955-56) với sự cộng tác của Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn.

Năm 1966, di cư sang Vientiane, Lào, làm Hiệu Trưởng các Trung học tư thục Aurore và Trung học Việt kiều Ai Lao tại Vientiane.

Biên tập viên các báo Lao Sapada, Vientiane News, Vientiane 1967-1975), Sáng lập viên và Chủ bút tạp chí biên khảo về văn hóa Lào Bulletin des Amis du Royaume Lao (BARL, Vientiane 1970-1975), được sự hỗ trợ của Tòa Đại sứ Pháp tại Lào và Thủ tướng Hoàng thân Souvana Phouma, (Bộ Ngoại giao Lào, mỗi kỳ mua 300 số gửi cho các Sứ quán Lào khắp thế giới. Ông làm thơ rất nhiều nhưng nói với

chúng tôi : *“Tôi chỉ làm văn những ‘đoàn văn’, không dám nhận mình là nhà thơ !”* Ông còn cho tôi và nhà văn Nguyễn Thùy xem những bài thơ nào là Đường Thi , nào là Thơ Mới từ nửa thế kỷ trước đến nay. Mặc dù GS Võ Thu Tịnh mang tâm hồn thi sĩ, làm thơ đã từ lâu, có những bài rất hay, rất lãng mạn, nhưng lại ngại tiếng đời nên ông nén nguồn thơ ấy vào cái khung, không đeo đuổi nghiệp thơ . GS Võ Thủ Tịnh rất uyên bác về kiến thức từng nghiên cứu về Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo; khảo luận về văn chương, nhưng lại không muốn vượt qua khuôn hướng hàn lâm để chuyên tâm về mặt sáng tác thơ văn như bao nghệ sĩ khác. Ông là một học giả, một người thầy hơn là một nghệ sĩ, do đó tôi không ngạc nhiên khi ông không nhận mình là thi sĩ. Hôm đó Gs Võ Thu Tịnh kể một câu chuyện: *“ Có một lần, buổi họp thơ vào giữa mùa đông, tuyết phủ trắng xóa Paris, nhưng những nhà thơ vẫn dám tuyết đến hội. Tôi không phải nhà thơ nhưng vì nể lời mời nên đến. Hôm đó có người đưa ra bài thơ cũ tả phong cảnh mùa hạ Paris để các bạn họa, thế là những bài họa tả về mùa hạ thật hay dù ngoài trời tuyết giăng đầy. Tôi tự hỏi các nhà thơ đã lấy nguồn cảm hứng từ băng giá mùa đông để viết về mùa hạ, hay do hoài niệm?”*

Sau khi nghe câu chuyện kể không khí trong phòng bỗng im lặng vì có một số người hiện diện tham dự buổi hội thơ hôm ấy. Thấy vậy tôi góp ý vào câu chuyện GS Tịnh vừa kể để không khí bớt ngột ngạt: *“Theo thiên ý tôi, bài họa “vội vã” dễ trở thành bản sao; nên khó có sự đồng cảm để đồng điệu vì thiếu ngoại cảnh gây cảm xúc thật, nhất là bài họa nếu chỉ dựa vào văn mà quên phần cốt lõi từ*

thơ thì bài họa đó sẽ thành một bài thơ khác, như thể người họa phải vịn vào vắn của kẻ khác mà đi thì còn đâu sáng tạo của thi sĩ?! **Nhưng nếu bài thơ được một thi sĩ họa thì bài họa đó sẽ có sự đồng cảm, cộng hưởng để thành bài thơ hay.** ”

Nhà thơ Phương Du tiếp lời: “ Thời xưa các nhà nho đều là giới khoa bảng, giới thơ phú vì thi cử cũng bằng thi phú. Do đó khi các nhà thơ xướng họa đều phải tuyệt tác họ mới dám khoe nhau. ”

Nhà văn Nguyễn Thùy(Tác giả và tác phẩm viết riêng) tiếp lời: “Thời nay đã khác với thời xưa từ đời sống vật chất đến ngoại cảnh, nhất là người làm thơ trình độ không đều nhau ảnh hưởng đến những bài họa. **Nếu bài thơ được đồng người họa thì bài họa sẽ có nhiều câu chữ giống nhau? Chắc hẳn điều đó không do sự đồng điệu mà do niêm luật bó buộc nên câu chữ được chọn cho không sai luật. Tuy nhiên sẽ có những bài họa tuyệt hay, hay hơn cả bài xướng.**” Từ đó những buổi họp thơ trở nên ít xướng họa.

Trong một lần họp thơ của Ba Lê Thi Xã nhà thơ Phương Du phát biểu:

“ Trong thi ca những loại thơ như thơ tình, thơ quê hương ...nhà thơ có thể tưởng tượng, cường điệu để câu thơ bóng bẩy, ý thơ thêm phong phú, duy chỉ có thơ viết về lịch sử là không được hư cấu, vì một khi hư cấu tính trung thực của lịch sử sẽ không còn. ”

Nhà thơ Hàm Thạch: “ *Tính trung thực trong thơ là cảm xúc, vì không có cảm xúc thật thì bài thơ sẽ không hồn.* ” Ông đơm củ bài Vịnh Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan, câu : “ *Bước tới đèo Ngang bóng xế tà, Cỏ cây chen đá lá chen hoa. Lom khom dưới núi tiêu vài chú, Lác đác bên sông chợ mấy nhà ...*” Sau khi đọc xong bài thơ nhà thơ Hàm

Thạch hỏi : “ *Đâu là tính trung thực ‘Chợ’ hay ‘rợ’ ? Tôi đã đi qua nơi này chẳng thấy có nhà !* ” Thế là cuộc tranh cãi sôi nổi người thì bảo là chợ là vài túp lều tranh của những tiểu phu, người cho rằng rợ là túp lều tranh dựng tạm để che nắng mưa của người miền núi. Rồi các nhà thơ tha hồ đem chữ nghĩa ra phân tích mà vẫn chẳng ai giải đáp được !

Phần 2 THU ĐẤT KHÁCH

(Những sinh hoạt từ năm 1995 đến 2002 viết riêng)

Vào lần khác ngày 25 03 2003, một buổi sinh hoạt văn học nghệ những người hiện diện: Nhà thơ Dương Huệ Anh từ miền Cali nắng ấm đến Paris, nhà văn Hồ Trường An từ Troyes lên, nhà văn Võ Đức Trung từ Lille đến, cùng các văn thi hữu Paris: Học giả Võ Thu Tịnh, nhà thần học Nguyễn Tấn Phước, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, GsTS Phạm Đình Liên, Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nữ sĩ Quỳnh Liên, nhà thơ nữ Thụy Khanh, nhà thơ nữ Hà lan Phương, nhà văn Trần Đại Sỹ, nhạc sĩ Xuân Lôì, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhạc sĩ Trịnh Hưng, nhạc sĩ Trong Lễ ,họa sĩ René, nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, nhà báo Song Nguyễn, nữ điêu khắc gia Vương Thu Thủy, đạo diễn Trần Song Thu, dịch giả Liêu Phong....VV.....

Đỗ Bình giới thiệu vài nét về nhà thơ Dương Huệ anh: “*Chủ tịch Thi Đàn Lạc Việt miền Bắc Cali nơi quy tụ rất nhiều văn nghệ sĩ, chúng ta đã từng đón tiếp những người trong thi đàn Lạc Việt khi sang thăm Paris như nhà thơ Yên Bình, nhà thơ nữ Ngọc An, nhà thơ nữ Hoàng Xuyên Anh, nhà thơ nữ Ngọc Bích, nhà thơ nữ Sương*

Mai, trong thi đàn Lạc Việt có những vị liên lạc trao đổi thơ với chúng ta như Nữ sĩ Trùng Quang ,(Hội thơ Trúc Liên, Quỳnh Dao), nữ sĩ Đình Thị Việt Liên(Hội thơ Thi Lâm Hợp Thái,Thi Đàn Quỳnh Dao 1962 – 1975), thi sĩ Hà Thượng Nhân, thi sĩ Trình Xuyên , thi sĩ Hàn Nhân... ”

Nhà thơ Dương Huệ Anh:

“ Kính thưa quý vị, cảm ơn quý vị đã không quản thì giờ , đường xa cho chúng tôi gặp mặt ngày hôm nay. Thú thật, đối với quý vị về văn thơ tôi là người đi sau mặc dầu tuổi tác thì có thể nhiều hơn một số người. Tôi xin đề nghị xin đừng gọi chữ cụ nghe nó già quá mà chính tôi cũng không muốn già, vì già khó làm thơ lắm không còn thơ thần được ! Do đó xin đề nghị mình cứ coi nhau như văn thi hữu anh em nó sáng khoái tự do hơn. Xin phép được giới thiệu về sinh hoạt của chúng tôi:Thi Đàn Lạc Việt được thành lập năm 1992 với hình thức hết sức khiêm tốn khởi đi từ nhóm thơ, chủ trương: Bảo tồn và phát huy văn học nghệ thuật VN ở hải ngoại. Qua 1993 thành lập thành Thi Đàn bên cạnh đó chúng tôi thành lập thêm Cơ Sở Văn Học Nghệ Thuật vì quan niệm rằng thơ phải có bộ môn diễn ngâm đi theo dù rằng tự thơ nó có nhạc rồi nhưng để chuyên chở đi xa cần có bộ môn nhạc. Mặc dù có những hạn chế về sức khỏe, phương tiện nhưng chúng tôi cũng cố gắng đóng góp cho văn học về phương diện thơ cơ sở đã xuất được 8 tập, trung bình mỗi năm là một tuyển tập. Ngoài ra chúng tôi còn xuất bản một tuyển tập văn Xuân Thu không định kỳ, khi nào có tiền thì chúng tôi ra. Đây là một tuyển tập được chăm sóc kỹ, nhưng sau khi ra được hai số phải đổi thành tam cá nguyệt nhưng cũng không liên tục vì nhiều khó khăn tài chánh. Sự tự lực của chúng tôi không đủ nuôi dưỡng

tuyển tập, do đó cuối cùng đành phải ra định kỳ vài năm ra một bản !

Nói về phương diện cá nhân thì có nhiều anh chị em có nhiều sáng tác rất đáng kể. Xin cho phép tôi được trình bày những đóng góp của cá nhân : Năm 1955 in tác phẩm Thơ Xanh rồi ngưng dù vẫn sáng tác, mãi đến năm 1990 bắt đầu lại và đã xuất bản khoảng 10 tập thơ

Sau những thi tập đó tôi sản xuất khá nhiều nên gom 4,5 tập vào nhau. Vì thế năm 1997 in 6 tập vào nhau lấy tên Tổng Tập 1 gồm 6 thi tập: Gót Ngọc Quan Âm Lâm Bụi Trần ,(thơ đạo), Thương Cả Trăm Hoa, Hai Mươi Năm Lưu Vong, Ba Mươi Năm trước, Thơ Hồng.”

Nhà thơ Vân Uyên bỗng hỏi:

“ Bao giờ thì có thơ Tim ? ”

Dương Huệ Anh: “ Sắp có rồi, tôi chỉ không có thơ màu đỏ thôi, trong tương lai chúng tôi sẽ có đủ các thứ màu.” Dương Huệ Anh nói tiếp: “Sau đó tôi chuyển sang văn vì ai cũng khuyên là thơ nhiều quá rồi không có ai đọc đâu !”

Hồ Trường An: “Ai Nói Vậy? ”

Dương Huệ Anh: “ Một nữ sĩ ở Cali nói với tôi: Ông in Thơ dày quá không ai đọc !”

Dương Huệ Anh: “Tôi in thế này tước hết để cho tôi đáp ứng được phần tài chánh của tôi. Sau đó tôi chuyển qua văn, Truyện ký thì đúng hơn vì dựa vào chuyện có phần tôi trong đó. Tôi tôi đặt tên là Những Cánh Thư Hồng dày khoảng 500 trang. Như quý vị đã biết biên văn học nó mênh mông lắm nên tôi chuyển sang giới thiệu tác giả giới thiệu các nhà thơ khoảng 100 nhà thơ in năm 2001”

Đỗ Bình : “Xin cho biết, thế nào là một tác phẩm hay, tác phẩm đó dựa theo tiêu chuẩn nào để đánh giá ?”

Dương Huệ Anh: “Nói là giới thiệu tác giả, tôi không làm công việc phê bình mà

chỉ viết theo lối tản mạn về văn học, bởi vì nói nghiêm túc quá ít người đọc, mà có lẽ mình cũng không đủ sức chưa đủ thì giờ chưa đủ khả năng nên tôi chọn thể loại này. Nhưng khi ra sách cũng có nhiều người phê bình lắm vì họ cho rằng đây là một biên khảo văn học. Anh em không hiểu, không đọc kỹ lời trần tình của mình ban đầu ! Nên họ cho là biên khảo văn học có lẽ đối với họ là đúng, nhưng đối với tác giả hơi oan vì mình không chủ trương như vậy mà chỉ là tản mạn văn học !”

Lê Mộng Nguyên: “Cuốn phê bình văn học Thi Nhân VN của Hoài Thanh Hoài Chân chẳng hạn ?”

Dương Huệ Anh: “Vâng, đúng thế. Chúng tôi rất thành thật xin quý vị chỉ giáo, tôi nghĩ rằng mình không thể biết hết được dù mình sống tới trăm tuổi, ? Xin quý vị chỉ những khuyết điểm chúng tôi xin sẵn sàng thụ lãnh. Xong cuốn này anh em phê bình dữ lắm nhưng cũng có nhiều người khem và vài người ta không tán thành ! Sau cái này chúng tôi nghĩ và chuyển qua một cái khác, tôi hơi tham vọng mà cái tham vọng đó không phải là cái xấu không đáng kết án, nó không hại là cái tội. Tôi nghĩ có nhiều khía cạnh quá cái nào mình cũng muốn đi sâu vào xem mới biết mới hiểu được. Sau đó tôi viết cuốn : Vài Nhà Thơ Việt Thế Kỷ Hai Mươi, trong tập chúng tôi viết không phân biệt trong nước ngoài nước, Bắc Nam, tuy nhiên mình phải tránh những gì gây xúc động với độc giả. Nhưng khi đem in gặp nhiều khó khăn vì phải tự lực cánh sinh ! Tôi xin phép được dừng ở đây nếu quý vị có muốn sáng tỏ điều gì tôi xin thưa . xin cảm ơn quý vị.”

Đỗ Bình giới thiệu vài nét về nhà văn Võ Đức Trung: “Tác giả nhiều tập truyện,

biên khảo. Là một người khiêm tốn giữ được phẩm chất của một cựu giáo chức. Là người chủ xướng thực hiện cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca VN Hải Ngoại gồm những bài thơ đặc ý của nhiều tác giả có chung một hoàn cảnh ly hương trong số các nhà thơ hải ngoại. Thời gian chúng tôi chuẩn bị cho thi tập mất 2 năm, khi đưa ra thảo luận tại nhà tôi lúc đó gồm: Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh, nhà văn Nguyễn Hữu Nhật, nhà văn Võ Đức Trung và tôi, trong thảo luận thì được biết cái tựa sách này đã được các nhà thơ Diên Nghi, Song Nhị, Duy Năng ở Cali đã chọn từ lâu và sắp in, họ muốn thực hiện một tập văn học ghi dấu một giai đoạn đời 25 năm xa xứ. Sau đó tôi đã liên lạc với các nhà thơ trên để giải thích sự việc của chúng tôi và đề nghị họ chọn một cái tựa khác. Khoảng một tuần sau họ trả lời là đồng ý, và đã chọn cái tựa khác cho tuyển tập là: Lưu Dân Thi Thoại, hay 25 Năm Bút Luận do Cội Nguồn xuất bản. Nhà văn Võ Đức Trung phát biểu: “ Nhận được phôn của anh Đỗ Bình mời tôi nghĩ là lên Paris họp bạn văn nghệ như mọi khi, nhưng khi xem lại thư mời tôi thấy quan trọng quá nên lấy làm ái ngại! Tôi ở tỉnh lẻ, thỉnh thoảng mới về Paris sinh hoạt sợ phát biểu sẽ trở ngại, hơn nữa như anh Đỗ Bình và Hồ Trường An biết; tôi viết văn về đồng quê mộc mạc nếu có gì sơ xuất mong các anh chị thứ lỗi cho. Tôi xin tâm tình tại sao tôi lại có ý định thực hiện cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Hải Ngoại. Kể từ sau biến cố năm 1975 mọi người ở ạt bỏ nước ra đi, dòng thi ca lúc đầu gần như tan tác, cho đến đầu thập niên 80 thì khởi sắc vì số ít nhà thơ vượt thoát ra ngoài được đã bắt đầu viết, hồn thơ còn nhiều tâm tư cảm xúc, nhưng đến cuối thập niên 80 thì bắt

đầu có chiều hướng đi xuống vì đa số phải hội nhập với cuộc sống mới ! May mắn thay là qua thập niên 90 có một số nhà thơ trong diện anh em H.O khi vừa đặt chân đến ơi định cư họ đã cầm bút lại, dòng thi ca lại dâng cao qua những bài thơ tố cáo sự đàn áp và nhà tù trong chế độ CS, chúng tôi muốn bảo tồn và lưu trữ những sự kiện đó qua thi ca nhưng khi bắt tay vào thực hiện mới biết muôn vàn khó khăn ! Chúng tôi tiếp xúc 350 tác giả nhưng phải chọn lựa như thế nào khi cuốn sách chuẩn bị in chỉ giới thiệu có 24 tác giả mà không kêu sự đóng góp ? Cuốn 1 đã phát hành vào tháng 2 vừa rồi, chúng tôi nhận được thư, điện thư, và phôn đến chúc mừng và khích lệ, điều đó là một món quà tinh thần đối với chúng tôi trong công việc bảo tồn văn hóa VN nơi xứ người.”

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh : **“Có người bảo viết để khen nhau là tăng bốc mà không phải là phê bình văn học nghệ thuật?”**

Đỗ Bình : **“Theo tôi, viết về những tâm hồn phụng sự cái đẹp của người nào đó đã lao tâm lao trí trên con đường văn học nghệ thuật là việc làm đáng khen. Trong lãnh vực phê bình văn học ở hải ngoại hiện nay còn hiếm vì rất ít người chịu dân thân làm công việc này, người am tường văn học thì già yếu, dần dần ra đi; còn lớp trẻ dù có bằng cấp cao nhưng lại am tường văn hóa xứ người ! Do đó người làm công việc phê bình rất quý vì nhờ họ đã khám phá ra những điều ẩn chứa trong tác phẩm để giới thiệu đến công chúng những chân dung của những người sáng tác. Đánh giá một tác phẩm tùy theo trình độ của người đọc và còn phải đợi thời gian, nhưng hiện tại vẫn cần những người điếm sách, giới thiệu khái quát về nội dung lẫn**

hình thức để giúp bạn đọc đi vào trọng tâm đỡ mất thời gian.”

Và sau đây tôi xin trân trọng giới thiệu đến quý vị nhà văn Hồ Trường An : Tác giả gần 50 đầu sách về trường thiên tiểu thuyết, tiểu thuyết, và biên khảo, phê bình.”

Nhà văn Hồ Trường An:

“Thưa các bậc niên trưởng, và quý văn hữu: Tôi làm văn nghệ tùy vào cảm hứng vui đâu chuốc đó chứ không nhất định cái gì, nếu cảm thấy hứng là làm. Cần phê bình là phê bình, khi tôi viết về biên khảo không phải là viết toàn sự nghiệp văn học của tác giả nào, mà viết từng cuốn chứ không dám ôm đồm. Nếu có cảm hứng làm thơ thì làm những bài thơ Đường, vui đâu chuốc đó. Tôi có một đức tính: Nếu ai khen thì cũng mừng, còn ai chê thì cũng rán chịu trận chứ không một lời nào đĩnh chính trên báo hết. Bởi càng đĩnh chính thì càng làm cho người ta làm dữ !... Do đó ai chê tôi thì chê ; ai khen thì mừng tôi không có một phản ứng, thật ra tôi không có buồn, mình làm một món ngon người này ăn thì khen người kia ăn thì chê, kẻ thích mì người thích hủ tú, còn có người ăn mì ăn hủ tú nhiều quá lại thích ăn bún riêu. Quý vị đã đọc qua cuốn biên khảo Thập Thủy Tầm Phương thì cuốn biên khảo thứ tư Tôi đang viết cuốn: Tập Diễm Ngưng Huy trong đó có hai người hiện diện ở đây là anh Võ Đức trung và chị Thủy Khanh: Tôi xin giải thích cái tựa sách: Tập: kết tập, Diễm là đẹp, Ngưng là ngưng lại, Huy là ánh sáng, ánh sáng ngưng đọng lại tôi rút ra từ Hồng Lôu Mộng chứ không phải do tôi đặt. Tóm lại tôi không có chủ trương gì lớn lao, tôi không có tham vọng. Xin dứt lời.”

Nói Thêm về nhà văn Hồ trường An:

Hồ Trường An tên thật là Nguyễn Viết Quang, sinh năm 1938 ở Vĩnh Long. Tốt nghiệp khóa 26 trường Sĩ Quan Thủ Đức. Phục vụ tại Ban Thông Tin Báo Chí Quân Đoàn 2&3 cho tới tháng 4 năm 1975. Ông gia nhập làng báo từ thời còn là sinh viên trường Dược qua ngòi bút phóng viên kịch trường từ giữa thế kỷ trước. Thuở đó ông đã làm thơ nhưng khi vào quân đội ông chuyên về báo chí. Sau năm 1975 ra hải ngoại ông cộng tác với nhiều tạp chí, từng làm Tổng Thơ Ký các tập san Quê Mẹ, tập san Làng Vãn. Sau khi rời Paris về cư ngụ ở tỉnh Troyes năm 1982, ông đã dành thì giờ chuyên về tiểu thuyết. Văn phong của ông mang chất miệt vườn Miền Nam, sâu sắc, thấm đầy tình người và tự quê hương. Từ cuốn truyện dài Phấn Bướm ấn hành 1986 đến nay ông đã xuất bản được gần 60 tác phẩm thuộc nhiều thể loại gồm 22 truyện dài, 12 tập truyện ngắn, 22 tập biên khảo và 2 tập thơ: Thiên Đường Tìm Lại (2002), và Vườn Cau quê Ngoại (2003). Năm 2009 ông bị tai biến mạch máu não nặng, toàn thân bất động, lúc đầu không nói được, và trí nhớ cũng quên! Sau một thời gian điều trị trí nhớ của ông được khôi phục và đã dần dần nói được dù rất khó khăn. Chưa lúc nào nhà văn Hồ trường An ham sống hơn lúc này, vì ông còn thiết tha đến văn chương, nặng nợ chữ nghĩa, vì có những mộng ước hoàn thành! Do đó ông đã cố tập luyện để khắc phục bệnh tật, nhờ quá yêu văn học nghị lực đã giúp ông vượt qua những khó khăn để thực hiện được hai tác phẩm biên khảo chỉ gõ máy bằng một ngón tay, đó là cuốn Núi Cao Vực Thâm, viết về 9 vóc dáng văn học VN của Thế Kỷ 20, và cuốn: Ảnh Trường Kịch Giới, ký ức về điện ảnh VN.

Ở Pháp có 3 nhà văn một đời yêu văn chương dù hoàn cảnh sáng tác rất khó khăn: Nhà văn An Khê viết văn gõ máy chữ một tay, nhà văn Duyên Anh phải viết bằng tay trái, nhà văn Hồ Trường An gõ PC bằng một ngón tay.

Đỗ Bình: *“Từ bao lâu nay người ta tranh cãi về những chuẩn mực trong văn học nghệ thuật giữa cái hay và cái dở. Trong khi đó thích hay không thích chỉ là chủ quan của người đọc. Tôi thấy hôm nay người làm thơ ngày càng nhiều, đó là điều đáng mừng vì tâm hồn thơ sẽ giúp cho đời thêm hoa, bớt đi sự cay đắng. Nhưng tiếc thay có những bài thơ đạt được cả tứ thơ lẫn cấu trúc thì không nổi tiếng, nhưng có bài chẳng phải là thơ lại được quảng cáo rầm rộ!”*

Nữ sĩ Minh Châu (Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“Tại sao không phải là thơ, văn xuôi khác thơ ở điểm nào?”

Đỗ Bình: *“Một bài viết cấu thả, viết cho lấy có, chỉ dựa vào thể tự do để gọi là “thơ” thì chưa chắc đã là một bài thơ, và cũng không thể gọi là văn xuôi? Thơ hiện đại và tự do rất gần gũi với văn xuôi, nhưng làm một bài thơ tự do, hay một bài thơ hiện đại rất khó! Nhưng khi đã thành thơ thì bài đó sẽ đặc sắc và độc đáo. Theo tôi, một bài thơ hay phải bao gồm mỹ học và ý thơ.”*

Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng: *“Văn xuôi là ngôn ngữ thực dụng của kinh nghiệm diễn giải bằng lý trí để mô tả hoặc giải thích một sự vật hay một ý niệm, thơ là một cảm xúc của tâm hồn được diễn tả bằng nghệ thuật.”*

Nhạc sĩ Trịnh Hưng, tác giả những nhạc phẩm nổi tiếng một thời: Lỗi Về Xóm Nhỏ, Tôi Yêu.. *“Thưa các bậc trưởng thượng và quý Anh Chị, cách nay vài tháng*

chúng ta có làm buổi Kỷ niệm 65 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của nhạc sĩ Xuân Lôì và cũng mừng lễ thượng thọ 85 tuổi để vinh danh người nghệ sĩ lão thành. Hôm đó thật đông, đầy đủ các khuôn mặt văn nghệ sĩ, điều đó nói lên được cái tình nghệ sĩ là chúng ta biết thương yêu và trân trọng nhau thì có khác nào những bài viết khen.”

Nhạc sĩ Xuân Lôì (Tác giả và tác phẩm viết riêng): “xin chào các quý vị tôi xin đọc tấu Hạ Uy Cầm nhạc phẩm Xa Quê Hương điệu valse lente nhạc của Xuân Tiên, lời Đan Thọ viết ngày 28 05 1956.”

GS TS âm nhạc Quỳnh Hạnh:

“ Âm nhạc, ngoài sự thưởng ngoạn ra còn có giá trị về khoa học. Đó là Musicothérapie hay Phương Pháp Trị Bệnh Bằng Âm Nhạc. Thực vậy, bộ môn trị bệnh này có từ thời Hy Lạp cổ xưa, phối hợp với trị bệnh bằng suối nước nóng, mục đích làm êm dịu thần kinh và xua đuổi đi những sự lo âu, phiền não... Ở Châu Á cũng có cụ Khổng Phu Tử có nói trong Lễ Nhạc : Nhạc là để giáo hóa lòng người...Ngày nay qua những bài thuyết trình tại Đại Học Sorbonne, Đại Học Y Khoa de Paris, các Phân khoa Tâm Lý Học cũng gây được chú ý của người nghe, nhất là giới trẻ quá nhiều lo âu trong cuộc sống hằng ngày và cũng để xả Stress..”

Nhà văn Trần Đại Sỹ(Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“thật là một hân hạnh cho tôi được gặp quý vị, nhất là một người tôi biết rằng hôm nay tôi sẽ gặp, là người mà tôi mắc nợ ngay từ lúc tôi học 6ième mà bây giờ tôi được đến để trả nợ đó là ông Lê Mộng Nguyên. Thưa quý vị lúc đầu tiên tôi học nhạc là thầy Hùng Lân đã đem bản Trăng Mờ Bên Suối dạy tôi. Kể từ nói đến ông Lê Mộng Nguyên dù ông có làm cả ngàn bản nhạc thì tôi cũng chỉ biết có Trăng Mờ Bên Suối. Hôm nay tôi có chút quà văn nghệ xin tặng lại hai bộ cuối cùng

tiểu thuyết lịch sử là bộ Nam Quốc Sơn Hà thuật lại chiến công Lý Thường Kiệt đánh sang Tống, Anh Hùng Đông A Dựng Cờ Bình Mông tức là giai đoạn Đánh quân Mông Cổ lần thứ nhất, còn đánh Mông Cổ lần thứ hai chưa in xin tặng giáo sư.”

GS TS Lê Mộng Nguyên (Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“Xin cảm ơn anh Trần Đại Sỹ , tôi rất cảm động không nói gì được.”

Võ Đức Trung : “ Riêng về anh Lê Mộng Nguyên cái bài Trăng Mờ Bên Suối hay quá hay ! Nói thiệt anh, cho dù anh có làm hằng trăm bài khác hay như vậy cũng không rung động được tôi nữa, là bởi vì bài Trăng Mờ Bên Suối khi tôi nghe lên là tôi nhớ đến thuở còn trẻ của tôi khi đi ngang những dòng suối có nước chảy róc rách có những tảng đá tôi băng qua, lại thêm những vầng trăng ở quê hương không thể nào quên được những thứ đó nó ngấm vào tâm hồn của tôi nên nghe bài hát có thể chảy nước mắt. ”

Trần Đại Sỹ: “ Tôi xin trả nợ người đàn anh nhưng cũng ít gặp, tôi quý ông lắm đó là ông GS,Bs Nguyễn Văn Ái, đây là bộ Giảng Huân Khoa Tinh Dục bằng Y Học Trung Quốc (sexologie médicale Chinoise) bây giờ tôi viết sang tiếng Việt, bản tiếng Tây thì chưa xong, bản tiếng Anh và Trung Hoa thì ra rồi. Đây gồm 3 quyển, thưa quý vị: “Người ta cứ bảo sách “dâm thư”, nhưng đây là sách giáo khoa, xin tặng đàn anh, đáng lẽ tôi phải tặng ông Phương Du Bs Nguyễn Bá Hậu nhưng ông Phương Du tu rồi sắp sửa thành linh mục đến nơi rồi. Thưa quý vị mục đích của sách này là làm sao giữ được sức khỏe tăng tiến tuổi thọ, nhiệm vụ nó quan trọng như vậy, xin kính biểu đàn anh.”

(còn tiếp)

Đỗ Bình (Paris)

Lỡ bước Sang Ngang:

Nguyễn Bình xót xa cuộc tình...

*Buồn the sầu sớm thương chiều
Khóc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi .
(Viết cho Chị - NB)*

Vẫn như những dòng chữ ngày thơ ngày nào, *Lỡ Bước Sang Ngang* của Nguyễn Bình một lần nữa như muốn kéo tôi xa rời cái thực tại bon chen để trở về cái dĩ vãng xa xôi đã trên nửa vòng quay thế kỷ.

Tôi biết đọc *Lỡ Bước Sang Ngang*, như một cuốn sách vỡ lòng khi tôi bập bẹ đọc được tiếng nước tôi.

Lỡ Bước Sang Ngang là tiếng nức nở chân tình của một phận gái bị đọa đày thân xác nơi có ngọn khói lam chiều giữa đồng quê xứ Bắc. Đọc *Lỡ Bước Sang Ngang* hẳn phải cảm nhận được cái tình tự quê hương đất Bắc, nếu nói theo Hoài Thanh thì đó là "hồn xưa đất nước"

Lỡ Bước Sang Ngang là tên một bài thơ dài gồm 110 câu làm theo thể lục bát được đăng trên Tuần Báo Tiểu Thuyết Thứ Năm năm 1938, là thời kỳ cực thịnh của Tự Lực Văn Đoàn và đã được Nguyễn Bình chọn làm chủ đề cho tập thơ đầu tay của ông được xuất bản vào năm 1940. Không biết tại sao tôi vẫn còn nhiều rung cảm khi đọc lại *Lỡ Bước Sang Ngang*; tôi vẫn nhớ từng dòng từng chữ. Có lẽ hồn thơ của Nguyễn Bình đã in sâu vào đáy giếng tâm hồn tôi từ thuở thiếu thời. Tuy nhiên, cũng xin được nói ở đây, người viết biết mình không đủ

khả năng làm cái công việc bình thơ vì tác phẩm đã đi vào văn học sử và hồn thơ đã đi vào lòng dân tộc, hiển nhiên thơ đã có một giá trị vô song, người viết chỉ xin được ghi lại vài hàng nhận định lẻ loi của mình về thi nhân và tác phẩm.

Lỡ Bước Sang Ngang là một tình khúc buồn sớm phát tự đáy lòng người chị dãi bầy tâm sự với người em khi chị phải về nhà chồng trong cái cảnh chim lià đàn. Lời dặn dò của chị là những khúc tạ tử da diết như nỗi tiếc cái tình chị em muốn thừa, như bịn rịn giằng co giữa gia đình và bốn phận. Nếu có ai vui mừng khi lên xe hoa về nhà chồng thì trái lại ở chị, chị càng mang nặng cái tâm tư đau xót trong ngày hợp hôn:

*Em ơi ! em ở lại nhà
Vườn dâu em đón mẹ già em thương
Mẹ già một nắng hai sương
Chị đi một bước trăm đường xót xa...
Cậy em, em ở lại nhà
Vườn dâu em đón mẹ già em thương
Hôm nay xác pháo đầy đường
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng
Chuyến này chị bước sang ngang
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ nay
Rượu hồng em uống cho say
Vui cùng chị một vài giây cuối cùng ...*

Nhưng nói biết bao nhiêu cho vừa, dòng nước mắt đến bao giờ mới cạn, sự ra

đi của chị chỉ mang đến cái xót xa chia lìa
cho bố mẹ già, cho đàn em dại mà thôi:

*Rồi đây sóng gió ngang sông
Đầy thuyền hận chị lo không tới bờ
Miếu thiêng vụng kén người thờ
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cậy em
Đêm qua là trắng ba đêm
Chị thương chị, kiếp con chim lìa đàn
Một vai gánh lấy giang san
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương*

Đời chị là tụ hội những đau thương: chị
đi lấy chồng vì không lấy được người mình
yêu. Chị không có quyền lựa chọn cũng
như cưỡng lại cái số phận hẩm hiu mà trời
đã dành cho chị:

*Một đi bấy nổi ba chìm
Trăm cay ngàn đắng con tim héo dần
Đấu em thương chị mười phần
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi
Trời mưa ướt áo làm gi
Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng
Người ta pháo nổ rượu hồng
Mà trên hôn chị: một vòng hoa tang
Lần đầu chị bước sang ngang
Tuổi son sông nước, dò giang chưa tường
Ở nhà em nhớ mẹ thương
Ba gian trống, một mảnh vườn xác xơ*

Cuộc đời của chị là hiện thân của
những cay đắng tình đời trong buổi hoàng
hôn của Khổng Học: mười bảy tuổi đã sớm
mang cái trách nhiệm và bốn phận mà
không hề được ban phát một quyền lợi gì.

Nếu như đêm động phòng hoa chúc ở
một bài thơ khác, Nguyễn Bính đã đưa đến
cho kẻ yêu thơ cái thanh tao trang nhã của
thú đau thương:

Đêm nay mới thật là đêm

Ai đem trăng chiếu lên trên vườn chè

thì ngược lại ở *Lữ Bức Sang Ngang*, hình
ảnh đêm tân hôn của chị được ngòi bút xót xa
của Nguyễn Bính diễn tả như một cuộc dày
vò thể xác. Chị đã không tìm được cái "ngàn
năm chưa để đã ai quên" (TL) ấy, mà chỉ
được đón nhận như một thân kiếp đoạ đầy với
cái ghê tởm của một cuộc tình ép uổng:
*Hồn trinh ôm chặt chân giường
Đã cùng chi khóc đoạn đường thơ ngây
Năm xưa đêm ấy giường này
Nghiến răng...nhắm mắt...cau mày...
cực chưa*

Thế rồi như "ma đưa lối quỷ dẫn đường,
lại tìm đến chốn đoạn trường mà đi" (Kiều),
duyên tình của chị đã nửa đường gãy gánh:
sau mười năm chẵn so gởi lệch, chị vẫn chỉ
tìm được cái tuyệt vọng trong một cảnh đời
nghiệt ngã với tấm thân góa bụa đơn côi
như thể một hình phạt trời đã dành cho chị:
*Chị từ lữ bước sang ngang
Trời giông bão giữa tràng giang lật thuyền
Xuôi dòng nước chảy liên miên
Đưa thân thể chị đến miền đau thương
Mười năm gởi hận bên giường
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đám một mình
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
Mười năm lòng lạnh như tiền
Tim đi hết máu cái duyên không về*

Nhưng rồi một ngày kia, một-người-đi-
qua-đời-chị như vẫn chưa quên cái buổi
chia tay ban đầu:

*Ngã ba tà áo lật
Dậm trường thương cố nhân !
(Thơ Thôi Hiệu)*

đã trở về thăm chị trong chốn trần gian tục lụy:

*Nhung em ơi ! một đêm hè
Hoa soạn nở, xác con ve hoàn hồn
Dừng chân trên bến sông buồn
Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang*

Vẫn như còn ôm một giấc mộng tình,
chị tưởng rằng sau cơn mưa trời lại sáng,
chị lại thủ thi cùng em:

*Rồi ...rồi ...chị nói sao đây
Em ơi ! nói nhỏ câu này với em
Thế rồi máu chảy về tim*

*Duyên làm lạnh chi, duyên tìm về môi
Chị nay lòng ảm lại rồi
Mối tình chết, đã có người hồi sinh
Chị từ đan díu với tình
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng*

Nhưng bình mình mới vừa ló dạng thì
hoàng hôn của cuộc tình đã phủ kín tâm
hồn chị: người xưa trở về trong phút giây
ngắn ngủi chỉ để gặp lại cổ nhân như
Quách Tấn đã đến với Tình Xưa:

*Cảm thương chiếc lá bay theo gió
Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm .. (QT)*

Rồi chàng lại vội vã ra đi để lại nhớ
thương vô vàn cho chị:

*Rồi đêm kia lệ rờn rờn
Tiễn đưa người ấy sang sông chị về ...*

*

*Người đi xây dựng cơ đồ
Chị về trồng cỏ nắm mồ thanh xuân
Người đi khoác áo phong trần
Chị về may áo liệm dần nhớ thương ...*

Thôi... thế là hết...tù đây !

Cuộc tình của chị trong *Lữ Bước Sang Ngang* đã "một lần hai lữ" dành phó mặc số
phân cho thời gian và định mệnh để rồi chị
chỉ biết ngồi nhìn thời gian hờ hững đi qua:

Tháng ngày qua cửa phòng the

Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa ...

Tới đây Nguyễn Bính đã kết thúc
chuyện tình của chị bằng lời chị nhắn nhủ
với em như những lời trời trần cuối cùng
trong đời chị:

*Em về thương lấy mẹ gia
Đừng trông ngóng chị nữa mà uống công
Chị giờ sống cũng bằng không
Coi như chị đã ngang sông đắm đồ ...
Ôi ! xót xa oan nghiệt một cuộc tình...*

Nếu với T.T.KH, *Hai Sắc Hoa Ti Gôn* là
niềm đau khắc khoải của một tình yêu đôi
lứa nơi chốn phồn hoa đô thị rực rỡ ánh
dèn, thì *Lữ Bước Sang Ngang* lại chính là
nỗi bất hạnh của một cuộc tình nghiệt ngã,
ép liễu nài hoa, đại diện cho cả một lớp phụ
nữ mong chờ một ngày được giải phóng
khỏi cái chế độ gia đình phong kiến.

Qua *Lữ Bước Sang Ngang*, Chị đã chia
sẻ, dãi bày tâm sự cùng em; bây giờ là lúc
em hàn huyên cùng Chị. Nhưng nhân vật
Chị trong thơ của Nguyễn Bính là ai? Một
nhân vật hư cấu hay một người có thật
ngoài đời thấp thoáng xa gần mà đã được
nhà thơ nhắc nhở đến rất nhiều trong ba thi
phẩm *Lữ Bước Sang Ngang*, *Tâm Hồn Tôi*
và *Hương Cổ Nhân*. Hình ảnh Chị trong thơ
Nguyễn Bính không ai khác hơn là chị Trúc.
Theo nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn, cũng là anh
họ của Nguyễn Bính, Chị Trúc tên thật là
Lê N.Th...là một người "Em văn nghệ" của
người anh cả Nguyễn Mạnh Phác - một nhà
thơ, một nhà soạn kịch có bút hiệu là Trúc
Đường. Chuyện kể rằng, vào giờ phút chào
đời, Nguyễn Mạnh Phác được "đẻ rơi giữa
lộ". Từ đó gia đình vẫn thường gọi Mạnh
Phác là "Cu Đường" (Lộ là Đường). Đến khi

Mạnh Phác đã thành danh, một hôm ông nói với Nguyễn Bính là cần phải có một bút hiệu thì ngay lập tức, Nguyễn Bính xướng tên cho anh mình là Trúc Đường vì tên Trúc từ lâu đã đi vào hồn thơ Nguyễn Bính. Chị Trúc vốn đẹp người, có duyên, thích văn chương thi phú, cùng chồng trông coi một tiệm ảnh ở Hà Đông. Nhưng "hồng nhan da truân", chồng Chị suốt ngày chỉ biết làm quen bên bàn đèn thuốc phiện, mọi việc đều do Chị quán xuyến. Vốn mang tâm hồn của một người mền mộ thi ca nhất là sau khi đọc được *Lỡ Bước Sang Ngang* mà tác giả lại là em của Trúc Đường, Chị lại càng quý mến nhà thơ hơn như Nguyễn Bính đã tâm sự trong bài thơ dài một trăm câu mang tựa đề *Xuân Tha Hương*.

Những người mền mộ thơ Nguyễn Bính hẳn đã thấy thơ ông là những lời thì thầm to nhỏ, lúc như bịn rịn nghẹn ngào, lúc như rạt rào thương nhớ:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi ! chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông.*

Cũng như cuộc đời của những người làm văn nghệ, Nguyễn Bính, người nghệ sĩ giang hồ, mang tấm thân tha phương trên khắp các nẻo đường đất nước, nhưng nhà thơ vẫn không quên được cái tình gia đình thấm thiết ở những người chân quê Việt Nam:

*Em đi trắng gió đời sương gió
Chị ở vương tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời! đắng quá...
Trăm hồn nghìn giận một mùa Đông.*

Đời sương gió, kiếp tha phương như đã gắn liền vào số đời Nguyễn Bính. Nhà thơ

khi vừa được ba tháng tuổi thì mẹ mất, gia đình chỉ còn cha và hai người anh trai. Dưới mái nhà tranh cô quạnh bấy giờ, chỉ còn âm vang những tiếng thỏ dãi thay cho tiếng kéo kệt vông đưa và cũng từ đó, Nguyễn Bính đã thiếu vắng hẳn vòng tay âu yếm đầu đời của mẹ, nên sau này, trên bước đường rong ruổi một đời áo gió đan sương, hình ảnh chị Trúc đối với nhà thơ như là ánh lửa ngày đông, như một què hương tràn đầy nỗi nhớ ...

Ôi ! cũng là kiếp con tầm phải nhà tơ:
*Chao ôi! Tết đến em không được
Trông thấy què hương thật nảo nùng
Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Sống đời mang lấy số long đong
Người ta đi kiếm giàu sang cả
Minh chỉ mơ toàn chuyện viễn vông
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng què gổ sao xong ...*

Mà đường tình của nhà thơ cũng như của Chị, sao gặp toàn những trắc trở đắng cay, đã khiến Nguyễn Bính phải thốt lên những lời thơ lúc như thương thân chị, khi như tù phạm mình:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ồ ! thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu nồng
Rượu say nhớ Chị hồi con gái
Thương Chị từ khi Chị lấy chồng*

*

*Nắng bèo bọt quá, em lặn lóc
Chấp nối nhau hoài cũng uống công
Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung...*

Một Xuân xa nhà nhớ Chị, hận người tình, thi nhân cũng như nhiều người chỉ biết "đoạn

tổng nhất sinh duy hữu tửu" (CBQ) qua chén
rượu men cay để qua ngày đoạn tháng:

*Xa nhà, xa Chị trông buồn thật
Cũng cố vui ngang gái được chồng
Em sẽ uống say hơn mọi bạn
Cho hồn về tận xứ Hà-Đông*

Những lời tâm sự với Chị vẫn còn
nghe ngào chưa muốn dứt như chỉ có
Nguyễn Bính mới lột hết được cái rung cảm
của thi nhân:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc Chị bền xanh má chị hồng
Trong mùa nắng mới sầu không đến
Giữa hội hoa tươi ấm lại lòng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhớ
Xa nhà, rượu uống có say không ?*

Duyên tình của Chị đã lỡ bước sang
ngang, tình duyên của em cũng dở dang
sầu hận. Để rồi cuối cùng, cũng trong một
bài thơ gửi Chị, Nguyễn Bính như đành
chấp nhận một cuộc tình tan vỡ, một duyên
kiếp không thành bằng nước mắt thi nhân:

*Viết cho Chị cánh thư này
Một đêm lữ thứ em say rượu cần
Nhớ người cách một mùa Xuân
Hình như người đã một lần sang sông
Ồ, say ! thương nhớ vô cùng
Rượu hay lệ ướt khăn hồng chị ơi !
Làm sao giấc ngủ không dài
Mà đêm không ngắn, mà trời cứ mưa
Làm sao em sống như thừa
Cố đem men rượu tẩm vừa lòng đau
Kể từ hai đứa xa nhau
Em thường chả có đêm nào không say
Sao em đơn chiếc thế này
Sao em lại khóc như ngày Chị đi ...*

Đọc xong những vần thơ của Nguyễn
Bính, tôi vẫn còn bàng hoàng như vừa chợt
tình cơn mê dài. Lời thơ quả đã làm tôi bùi
ngùi xúc động, làm tôi thương cảm những
người con gái Việt Nam sống trong buổi
giao thời, "cho rất nhiều xong nhận chẳng
bao nhiêu..." (XD)

Bây giờ sống nơi đất khách quê người,
cứ mỗi khi vào mùa lá rụng, tôi lại thấy lòng
minh như băng khuâng man mác, lúc như
thương... khi như nhớ ...những hình ảnh quá
vãng ngày xưa... như vẫn chập chờn ẩn
hiện qua dòng ký ức muộn màng. Nếu có
đôi khi nhớ đến Trần Tế Xương:

*Mái tóc chòm đen chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay*
thì chỉ như muốn thờ dài cổ níu lại vòng
quay thế kỷ.

Nhưng nào có được !

Thử hỏi bao nhiêu triệu-năm-ánh-sáng-
thời-gian nữa, lại đem trả tôi về cái quá khứ
ngày xưa hay mãi mãi cuộc đời cũng vẫn
chỉ là những xót xa như đoản khúc buồn
của Tương Phố:

*Lòng đau giọt lệ lâm ly
Biết bao nhiêu lệ từ khi biết đời ...
...Thôi !... đành để cho thời gian cuốn đi ...*



PHẠM BÁ
N. Potomac, MD

Tản Mạn Hát Xẩm

Nguyễn-Phú-Long

Xin hãy hình dung một đôi nam nữ khoảng trung niên, đang lang thang ngẩn ngía tìm mấ chỗ đồng đúc, thoáng đãng để độ nhậ bằng nghề hát xẩm.

Họ ăn bận giản dị, hai người đều mặc áo nâu cổ lá sen, còn mớ, gần như đồng màu, chồng thì đội mũ vải lụp xụp, bạc phếch, vợ thì che đầu bằng chiếc nón lá rách bươm, cũ rích, tay cầm mấy nhạc cụ nhẹ, thô sơ hình như cái sênh, cái phách, cây đàn nhị,....

Cô vợ nhanh nhẹn, trông xinh xinh, trắng trẻo, lại đeo chiếc bị cói chắc chắn trên vai, có lẽ trong đó gom tất cả những thứ cần thiết lật-vật, thượng vàng hạ cám, như nắm cơm, gói muối vừng phòng khi đói bụng; Chiếc khăn lông, vuông vải đen để lúc cần chít lên đầu theo hình mỏ quạ, rồi... cái lược, cái gương, ve dầu Cù-Là và quan trọng nhất là chút tiền bạc, đồ tuế-nhuyễn mà họ kín đáo, dành dụm bấy lâu.

Vì cần thiết, người chồng đeo thêm cặp kính đen, anh ta đang nắm bầu áo vợ dò dẫm từng bước, đi chậm chạp:

*Anh đây mục hạ vô nhân,
Nghe em nhan sắc lòng xuân anh nảo nùng,
Dù em mặt phấn má hồng,
Dừng đừng anh chẳng thèm trông làm gì.
Lấy nhau đi trước mà chi
Để chân anh mò mẫm, tay thì quàng vai.
Quơ quơ sờ chốn em ngồi
Anh thời chẳng thấy,
em thời cũng chẳng thờ than,
Bâng khuâng như mắt lạng vàng...,
(Khuyết danh)*

Đây là mấy câu trích trong bài Xẩm nhan đề "Mục Hạ Vô Nhân", chả rõ của vị nào sáng tác, nhưng rất phổ biến, nhiều người biết, cũng hay.

Bài ca mang tính ngông nghênh, ai oán nhẹ nhẹ, trách móc vu vợ, hoàn cảnh tặt nguyên của đức ông chồng khiến cả hai phải chịu nhiều thiệt thòi, phải chấp nhận bao nhiêu khó khăn trong cuộc mưu sinh, thật tội nghiệp!

Phản lớn, nào ai có muốn "mục hạ vô nhân" làm gì. Trường hợp của nghệ nhân đây có thể anh đã trải qua một trận hỏa hoạn, một lần té xuống vũng nước bẩn, hoặc là bầm sinh từ khi lọt lòng...nhưng chắc chắn anh không cùng trường hợp đáng kính, cao cả, cần ca ngợi làm gương như ngài Nguyễn-Đình-Chiêu (1822-1888) chỉ vì thương nhớ mẹ mà ra nông nổi.

Mới lại, cũng chẳng ai bỏ thì giờ để tìm hiểu về biển cổ khiến anh bị mù lòa, chỉ nghĩ đơn sơ là nhiều phần vì mù lòa nên anh đã phải hành nghề đàn địch ca hát rong để đáp đổi sống qua ngày tháng.

Thực ra mục hạ vô nhân nghĩa là dưới mắt không có ai, ý nói thái độ hết sức kiêu ngạo không coi ai ra gì (Từ Điển Tiếng Việt, nhóm ngôn ngữ học ở Hà-Nội 1988) nhưng nơi đây lại dùng để mọi người hiểu mĩa mai theo nghĩa khác ám chỉ chẳng thấy ai với con mắt của mình tức là khiêm thị.

Nếu trời đừng bắt người chồng phải khiêm thị thì cuộc đời đã tốt đẹp bình-thường. Với sức vóc, khỏe mạnh, ít nhất, cũng như bao thanh niên khác, họ cũng "chồng cây vợ cấy con trâu đi bừa" gom sức tạo nên hình ảnh quen thuộc nơi lũy tre

xanh chừ đầu thua kém ai.

Nhưng thực tế đã khác, và dù sao qua bài hát này, người "em-nhan-sắc" đã đồng ý để cho anh " tay thì quàng vai", dù "anh chẳng thấy, em thời cũng chẳng thờ than." vậy tình của "em" thật lãng mạn, chịu đựng, thiết tha, gắn bó, thủy chung:

*Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đối no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam.*
(Ca dao).

Hỡi cô ca nữ hát dạo kia ơi! Những lúc vẫn hát nhìn nắng chiều phai nhạt, nghe tiếng chim gọi đàn bay về phía xa mờ, vuốt ve nắm tiền mới kiếm được, có khi nào cô băng khuâng, ngao ngán cho tương lai sẽ ra sao chẳng nhỉ?

Có bao giờ những khán giả gái trai lớn bé đang im lặng say sưa đứng thành vòng tròn gần gũi kia lại thắc mắc với các câu hỏi, như "Sao một cô gái hờ hững như thế mà chịu theo anh chồng mù lòa nhu thế để sống cuộc đời như thế?"

Nghe vậy đừng nhún vai, nhắc khe khẽ câu hát của nhạc sĩ Vân-Tùng "Ai thương yêu ai, đó chỉ là tình của mỗi con người." Cái lý lẽ con tim nhiều khi khá bất ngờ. Nhạc sĩ Vân-Tùng nhận xét rất đúng. Dù đôi khi vấn đề "cân bằng" của hai bên vẫn được cứu xét phần nào. Cân bằng hướng nhiều về vật chất, còn môn đăng hộ đối cũng tương tự vậy, nhưng ngả về tinh thần nhiều hơn. Nội tròn thì úp vung tròn: Rõ rá cạp lại: Trai tài, gái sắc...

Mà thôi, câu hỏi thật sự khó giải thích. Nhưng cũng chẳng phải chẳng thể trả lời.

Người ta, nói chung, và các cô thiếu nữ nói riêng, đôi khi cũng có những lý tưởng mục đích ở ngoài sự sung sướng vật chất của cải, nhưng lựa thường tình. Thí dụ họ đang hướng mọi hành động sẽ trở thành nhà quyền lực danh trấn giang hồ, hay là làm nên ngôi sao sáng tài năng hiếm quý, đàn ngọt hát hay, ai ai cũng biết cũng mến

yêu, và như vậy trong trường hợp này, có thể mới đầu cô gái đã tình cờ gặp người nam đang trình diễn đầu đó một mình.

Anh ta có giọng hát hay quá, vui quá, hấp dẫn thu hút nhân tâm duyên dáng quá, đã làm cô nàng say mê đến nỗi, nửa đùa nửa thật, mấy phen phải năn nỉ ngỏ ý xin đi theo học nghề, với những ước mơ thầm kín ấp ủ trong lòng.

Đó chỉ là trường hợp của kẻ bàng quan suy đoán chơi cho vui thôi! Lý-lich củanàng nào ai rõ thực hư ra sao. Biết đâu chẳng vì nhan sắc, khi tuổi đang lớn lên, trong lúc còn "ngày ngày đi học, chiều chiều đi chơi." nàng đã chẳng thể làm ngơ trước mối tình sẵn đón quẩn quýt của một chàng trai trẻ, văn hay chữ tốt, con nhà giàu, và khi họ còn mãi mê xây đắp dở-dang một "lâu đài tình ái" thì, dùng một cái, đến hôm, nàng vừa nhìn quả khế chua trên tay người bạn trao cho, "Của chua ai trông thấy chẳng thèm..." Mà tức thì cảm thấy lợm giọng, nước miếng cứ ứa ra trong miệng và ngay lập tức không cưỡng được, đã nôn thốc nôn tháo ra ngoài.

Mới đầu một hai lần tưởng chẳng sao, người ta đâu phải cái máy, khi trái gió trở trời chuyện khó-ở trong mình ít bữa là thường. Nhưng ngày nọ ngày kia cứ tiếp diễn cái hiện tượng lạ lùng ấy khiến cả hai đến lúc hết ngày thơ đều hiểu, đều lo lắng cho những ngày tháng trước mặt, và đáng tiếc là họ đâu có khả năng giải quyết thế nào, cứ dẩu dẩu, diêm diêm...thả nổi, than thân trách phận, chán nản, để những cuộc gặp gỡ, vì lý do này nọ, thưa dần. Những lúc tay cầm tay ngồi tâm sự lơ là phai nhạt dần rồi thêm một biến cố ập đến như một lý do kết-thúc, làm họ xa nhau vĩnh viễn, người đi không bao giờ trở lại. Lý do đó bây giờ, bàn dân thiên hạ, khắp thế giới, coi là một nhiệm vụ quan-trọng. Nhiệm -vụ "Đi quân dịch!".

Sứ trời sớm dục đường mây,

Phép công là trọng niềm tây xá gì.
(Chinh-Phụ-Ngâm.)

Khi chia tay, dĩ nhiên đôi uyên ương đều rớt lệ, Cả hai "Bâng khuâng như mất lạng vàng".

Chàng thề thốt, sẽ trở lại, dù vật đổi sao rời thì tấm chân tình sẽ chẳng bao giờ thay thế được, nàng nghe bịn rịn cũng tin tưởng, cũng đinh ninh vậy, rồi yên tâm phần nào, nàng tự nhủ, phải cố gắng hy sinh ít năm! Nàng tin tưởng là nàng có thể làm được.

Nhưng rồi thời gian cứ vô tình lặng lẽ trôi, phát sinh bao nhiêu nhu cầu không ai tiên liệu được. Tình cảnh mới từng bước, từng bước với bao nỗi khó khăn vật chất đã đưa đẩy cô gái trẻ đẹp sa cơ, gập gờ cùng chàng nghệ sĩ mù cũng đang cần một bàn tay giúp đỡ. Thôi đành nhắm mắt đưa chân, phải nương tựa vào nhau mà sống chứ còn tính sao. Nàng ngao ngán trong lòng, có bao giờ nghĩ mình lại rơi vào tình trạng hiện tại oái oăm cùng cái nghiệp lạ hoắc này đâu!

Kim-Lang ơi hỡi Kim-Lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.
(Truyện Thúy-Kiều)

Dần dần với nhu cầu càng ngày càng khẩn thiết, bao gạo, hai vợ chồng vét hết tiền bạc, mới khiêng về hôm nào nay chẳng còn một hạt, chai tương nằm chồng chơ, khô queo, ông chồng "đi hát" vừa về tới bờ tre đầu ngõ đã như báo hiệu bằng những cơn ho xù xụ do đám vi trùng tuberculosis hoành hành trong buồng phổi chàng nghệ sĩ. Nàng cảm thấy bất nhẫn, cần tiếp tay làm một cái gì để đóng góp thêm vào nền kinh tế chung của gia đình cho cuộc sống đỡ chật vật, nàng cố bớt thẹn thùng, rồi đánh bạo học được ít bài bản để ra nghề theo tiếng nhĩ não nùng thiết tha với vài câu ngắn.

Người chồng hết lòng động viên, cổ vũ,

bảo: "Phải diễn tả cho có hồn. Nghĩa là phải để tâm tư, tâm hồn mình đứng vào vị trí lời ca như thật, thì mới có kết quả tốt." nàng đã nghe theo, nàng đang ngậm ngùi, xót xa, nhớ đến bóng hình người tình cũ....

*"Từ chàng ra đi,
Vai khoác chiến y,
Hồn còn nương bóng quốc kỳ."*

Đây cũng là mấy câu hát xẩm, thường nghe biểu diễn nơi toa xe điện qua lại quanh bờ hồ Hoàn-Kiểm Hà-Nội khoảng thập niên 1950 nên nhiều người gọi là xẩm tàu điện. Tiếp theo ngoài tàu điện hai vợ chồng còn mở rộng vùng hoạt động mon men ở chợ Ô-Cầu-Dền ở góc đả bên quán nước dẫn vào thị xã Hà-Đông với những con đường hẹp lát gạch sạch như sân hơi thóc.

Hình ảnh đó từng bước từng bước trở thành quen thuộc. Khách qua đường dừng chân nghe họ đàn hát một chập, trước khi đi, đã để lại vài ba đồng bạc cắc trong cái nón mê dưới đất như là một cử chỉ, bản phận rất thản nhiên, sòng phẳng. Vậy là xong.

Đó là câu chuyện tượng trưng về hoàn cảnh riêng của một cặp nam nữ hát dạo. Thực tế còn rất nhiều trường hợp, với những chi tiết đặc thù của các cặp vợ chồng hành nghề xẩm xoang, y như chúng ta hiện có biết bao "câu chuyện" éo le, hấp dẫn, ly kỳ, dở khóc dở cười với những người vượt biển tỵ nạn từ Việt-Nam. Có những cặp ít lâu thì tan rã; Nhưng cũng có nhiều đôi suốt đời gắn bó chẳng rời, dù nửa đường đứt gánh vẫn gìn giữ vàng ngọc cho nhau, người sương phụ vẫn an phận lẻ loi âm thầm đời còn lại như lúc nào cũng vắng vắng bên tai, được nhắc nhớ sự ước mong của cổ nhân, đang ngậm cười nơi chín suối: "Xin đừng bị quyến rũ, mà hãy giúp nàng nghị lực sống trọn đời còn lại, tiết liệt, cao thượng, chung thủy." Mặt khác, đừng quên cũng có kẻ bất cần, lúc lâm chung đã cầm tay giới giãng cùng

người ở lại:

Ôm cầm anh dám tiếc thuyền ai.
Thơ Nguyễn-Bính.

Đôi khi thành phần đám hát xẩm có thể nhiều hơn hai vợ chồng. Xin trích một đoạn từ cuốn Việt Nam Phong Tục của Phan-Kế-Bính:

"Những người đi mù lòa mắt, học nghề đàn hát, rồi rủ nhau một tụi độ năm sáu người vừa đàn ông vừa đàn bà dắt nhau đến các nơi thành thị, kiếm chỗ đông người giải chiếu ngay các nơi vệ đường mà hát.

Bọn xẩm kẻ thì đánh trống, gõ phách, kẻ thì kéo nhị, kẻ thì gảy đàn bầu, rồi đồng thanh mà hát, hoặc đi giọng Nam, hoặc đi giọng Bắc, ăn theo tiếng nhị, tiếng đàn nghe cũng vui tai.

Đàn bà trẻ con người lớn xúm xít vào xem, kẻ thường dăm ba đồng kẽm, người cho một vài xu. Hễ người xem vẫn rồi thì lại dắt nhau đi chỗ khác." Ngưng trích.

Sách Văn Học Việt-Nam của Dương Quảng-Hàm bảo, khi nào chính những người Xẩm hát thì gọi là xẩm chợ, còn khi ả đào hát thì gọi là xẩm cô đầu.và bao giờ thời câu cuối của bài hát xẩm cũng là câu lẻ đặt sáu hoặc bảy chữ.

Đúng vậy, nếu có dịp nghe qua nhiều bài hát xẩm thì thấy không có gì khác biệt lớn lao giữa xẩm chợ, xẩm cô đầu, xẩm tàu điện, hay xẩm xoan gì cả. Hát xẩm thường hát ở bất cứ đâu cũng vậy. Hát xẩm là hát xẩm. "Thực tế cách gọi tên các loại xẩm chẳng phải là theo làn điệu" mà tùy nội dung, ý nghĩa của cả bài hát.

Xẩm Thập Ân là những bài xẩm ca ngợi công đức cha mẹ.

Xẩm Anh Khóa kêu gọi lòng yêu nước theo thơ của Á-Nam Trần-Tuấn-Khải (1895-1983).

Vào thời Việt-Nam còn giặc Pháp, từ năm 1921, cụ Á-Nam đã phổ biến không phải chỉ một mà là nhiều bài thơ nói về anh

Khóa như "Tiễn Chân Anh Khóa"; "Nhấn Anh Khóa"; "Mong Anh Khóa"; "Gửi Thư Cho Anh Khóa":

Chữ tương-tư vai gánh nặng nề,

Giang hồ anh khéo liệu trở về kéo em mong
Trần-Tuấn-Khải.

Anh Khóa là nhân vật có thực, yêu nước, cũng vì nhiệt tình hoạt động ái quốc nên sau bị Pháp giết năm 1945 để từ đó chỗ nào ta cũng nghe ngậm thơ Anh Khóa, dần dần các nghệ nhân hát xẩm đã tiếp tay làm cho "Xẩm Anh Khóa" phát triển rộng rãi Xẩm Anh Khóa phát triển, theo tác giả, có lẽ vì ba lý do : "Một là lời dễ hiểu. cảm kích người đọc, người ngậm. Hai là làn điệu du dương dễ hát, ba là nó ra đời hợp với thời, với thế." . Trích trong cuốn Duyên-Nợ-Phù-Sinh, (Kim-Sinh-Lụy.) ra mắt đồng bào năm 1921. Nguyễn-Ngu-Ý phỏng vấn năm 1964, Góc-Nhìn số 179 của Thu-Tử...)

Lại nữa, chỉ vì đến một thời điểm nào đó, làn điệu hát xẩm đã được nhiều quan viên đi nghe hát ưa chuộng nên các cô đầu, tiếp khách trong phòng, chường rủ màn che, cũng phải chiều theo mà để cho hát xẩm chen vào cùng các điệu hát khác nên gọi là xẩm cô đầu vậy thôi.

Tuy nhiên phải thêm một chi tiết nhỏ, kẻ trình diễn cũng cần để ý chút kỹ thuật khác biệt trước đối tác và hoàn cảnh. Khi hát xẩm ngoài chợ là chỗ đông người nên làn hơi, giọng hát phải mạnh. (Ngày trước chưa có máy khuếch âm). Những tiếng đệm, tiếng đưa-hơi đều phải hát cho rõ như là lời hát chính. Hát xẩm ngoài chợ nên dùng đàn nhị thay vì đàn bầu mục đích cũng là để cho âm thanh to hơn..

Mấy người hát xẩm ngoài chợ phần nhiều lớn tuổi, ít thấy hát trong phòng cô đầu vì thiếu điều kiện quần áo bảnh bao, trẻ đẹp, một yếu tố khá quan trọng đối với các quan viên thường ngoạn. Do đó ta suy ra, đám hát xẩm ngoài chợ có chương trình

từ đầu đến vẫn (thời gian khoảng một hai giờ) chỉ là hát xẩm. Khán giả không có yêu cầu và đòi hỏi hát các thể điệu khác gì cả.

Ai đến nghe cũng được, thương tình cho chút tiền tài cũng được. không sẵn cũng chẳng sao. Do đó lợi nhuận kiếm mỗi ngày khi lên khi xuống, và phần nhiều là do tài năng, cảm tình của họ với đám đông. Gặp lúc ngày mùa, hoặc trong làng mở hội cúng tế, đám đông tiền xu rủng rinh cũng là lý do tốt cho dân hát xẩm lượm thêm bạc cắc.

Còn điếm nữa, chắc chẳng nói quý vị độc giả cũng thừa biết, không khí hát xẩm cô đầu nó giống y không khí hát cô đầu trong phòng "làm việc" của cô đầu vậy. Nói cách khác.

Bài hát xẩm do cô đầu trình bày chỉ là một tiết mục làn điệu ngắn xen kẽ với những lối hát như hát nói, ru em, xa mạc.. trong một chương trình vui chơi dài, như vậy ta suy ra, số khán giả ở đây rất hạn chế, thường là một nhóm vài người quen biết rủ nhau tới, và được thù tiếp với đồ ăn, thức uống, giở đờng chiếu mời mọc chiêu chuộng đàng hoàng.

Để thay đổi, lúc cô đầu hát điệu quan họ Bắc-Ninh, khi cô là..quan viên yêu cầu điệu gì thì cô đầu hát điệu ấy, yêu cầu ai thì người ấy hát kẻ khác nghỉ.. và cuộc vui chơi cứ thế có thể kéo liên miên thâu đêm suốt sáng..Xem vậy cô đầu phải lịch duyệt, biết nhiều, chẳng những, các thể điệu mà đôi khi cả văn chương nữa.

Các bài để hát xẩm ngoài số các nghệ nhân sáng tác như Mực Hạ Vô Nhân...còn phần lớn họ lợi dụng gồm đủ thể loại thơ cổ sẵn của các bậc tiền nhân như Á-Nam Trần-Tuấn-Khai, Tản-Đà, Nguyễn-Bính, Nguyễn-Khuyến... nhưng phần lớn thơ lục bát đã được sử dụng nhiều hơn, đã được "xẩm hóa" như "cương" thêm vài chữ trong một câu hay thêm bớt vài câu trong bài cho

được tự-do, phóng-khoáng, đa dạng để làn điệu thoải mái dễ trình bày hơn.

Cũng như hát chèo, hát xẩm là thể loại dân ca chưa biết xuất xứ từ đâu. Trong Đặc Khảo Dân Nhạc Phạm-Duy viết: "Thể hát rong ở Bắc Việt được phổ biến qua những người hát xẩm, thường là những kẻ mù loà đi hát dạo độ thân. Gọi là hát xẩm là do chữ xẩm xẩm tối."

" Hát xẩm thường là những kẻ mù loà. " Nói thể tức là trong số nghệ nhân hát xẩm vẫn có người mắt sáng, và thật lạ lùng, với cặp mắt sáng, họ vẫn đeo kính đen khi hát xẩm. Thí dụ nghệ nhân ưu tú Xuân-Hoạch đã đóng vai "mực hạ vô nhân" khi hát chung với người đẹp Thanh Ngoan trong bài Chợ-Đông-Xuân-Vui-Nhất...

Vui nhất có chợ Đông Xuân,

Mùa nào thức ấy xa gần đến mua...

Vâng, hát xẩm là hát rong, nghệ nhân hát xẩm thường mù loà... và từ đó ta có thể đi đến kết luận cuộc sống của những kẻ hành nghề hát xẩm rất nghèo. chắc chắn họ không có khả năng tổ chức thành một đoàn thể để sinh hoạt lớn mạnh, để giúp đỡ tương tế nhau như các ngành nghề khác.

Không những thế sau năm 1954 chính quyền địa phương còn tập trung và chẳng cho hành nghề hát xẩm ở nơi công cộng, có lẽ vì thấy hình ảnh của họ tang thương quá.

May mắn thay, sau, cũng chính nhà cầm quyền lại sáng suốt nhìn thấy hát xẩm có nhiều làn điệu đặc thù mang tính nhân gian độc đáo, chẳng những vậy còn có thể áp dụng cho phong trào tuyên vận dễ dàng mọi nơi, nên đã tận lực nâng đỡ họ mọi mặt. Khi họ muốn hành nghề ở đâu, ngay cả tổ chức biểu diễn nơi khuôn viên Quốc-Tử-Giám, cử hành lễ giỗ tổ ngày 22 tháng 2 hằng năm.

Và hình như bây giờ người ta còn đang

vận động để Unesco công nhận hát xẩm là một di sản của thế giới nữa. Hãnh diện thay!

ĐỂ kết thúc bài tiểu luận thơ thiên này, xin mạn phép trích ra đây một bài hát xẩm mà tác giả viết và đã in trong cuốn thơ "Còn Vương Tơ Lòng" do Hoa-Tiên xuất bản năm 2009 ở Hoa-Kỳ.

Biết Trả Lời Sao!

*Như chúng anh đây... trước cũng học trò,
Cũng tắm sông, đánh đáo, thò lò mũi xanh!
Nhón lên mon men ra chốn thị thành
Làng nhàng vừa học, vừa hành anh lại vừa chơi!
Đêm đêm kèm trẻ cầm hơi
Văn khoa, trường luật, chán thời mò đến*

"Em Dê" (Math-Géné)

*Gái trai sớm tối rượu chè
Bạn bè nó cười cợt, nó chọc quê xa gần.
Nổi sùng anh mới quăng bút tòng quân
Ôm em mười sáu (M16) xô quần nhà binh.
Kẻ thù, chiến hữu, tử sinh...
Lạc vào đất Trích, buồn tình anh mới mản thơ...
Lũ con anh, đôi lúc chúng vướng hỏi, bây giờ
Thế bố ơi khói lửa hồi xưa làm gì?
Trả lời sao? Nói năng chi?
Giá trong bom đạn, chết vì núi sông
Có khi bắt tử, anh hùng!*

Nguyễn-Phú-Long.

March 2012.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

BÊN TÌNH BÊN NGHĨA (2)

(tiếp theo kỳ trước và hết)

Phạm Hữu Bính

Màn đêm buông xuống, gió lạnh làm mọi người run cầm cập. Một màu đen kịt phủ kín con tàu. Sóng vẫn vỗ mạnh. Một sự sợ hãi lan tràn ra khắp mọi người. Ai nấy nín thở. Có những tiếng cầu kinh si sào pha lẫn với những câu kệ “*Nam Mô A Di Đà Phật*”.

Bỗng có tiếng một người đàn ông la lên:

- Có tàu lớn đang tiến về phía mình.

Mọi người nhìn theo hướng tay người đàn ông chỉ. Rồi tất cả cùng nhận ra ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn phóng ra. Ai nấy cùng la lên:

- Có tàu lớn đến kia rồi.

Người thuyền trưởng nói lớn:

- Không chắc họ đã nhìn thấy mình. Để tôi đốt một cây pháo bông tôi có mang sẵn đây. Nếu họ nhìn thấy pháo bông, họ sẽ biết mình cần cấp cứu.

Pháo bông phóng lên, rồi nổ tung, chiếu sáng một vùng biển. Vài phút sau có tiếng còi hụ từ chiếc tàu lớn vang lên và nhiều đèn rọi những chùm ánh sáng hướng về chiếc tàu nhỏ. Người thuyền trưởng la lên:

- Họ thấy mình rồi.

Vừa lúc đó một làn sóng lớn từ đâu đó rầm xuống chiếc tàu chở người tị nạn. Tàu mất thăng bằng đổ nghiêng về một bên. Nước tràn vào như thác lũ. Người thì bị hất xuống biển; người thì bị sóng kéo đi; người khác thì nhảy liêu ra để tránh con tàu đang chìm dần khỏi mặt nước.

Bảng vùng vẫy nổi lên khỏi mặt nước. Ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn cho Bảng thấy

cảnh cực kỳ hỗn độn ở chung quanh: Quần áo, vật dụng nổi lên bênh pha lẫn với những bóng người nửa nổi, nửa chìm, chân tay quờ quạng như cố tìm một vật gì để bám víu vào. Thấy cái thùng gỗ dùng chứa nước nổi gần đó, Bảng nhoài mình lại, đưa cánh tay quàng lấy. Bảng đưa mắt thật nhanh ra chung quanh để tìm ông Thông Hoạch và Khánh. Cùng một lúc Bảng nhìn thấy cả hai người cách Bảng khoảng mười mét, mỗi người một phía với Bảng ngay chính giữa. Bảng hoảng hốt, cuống cuồng. Bảng phải cứu một người trước rồi mới vòng lại cứu người kia được. Nhưng cứu ai trước? Bảng chỉ có một giây để quyết định. Ôi một giây này sao dài hơn một thế kỷ. Trong cái khoảng thời gian ngắn ngủi và cũng dài lê thê đó, trăm ngàn hình ảnh chạy qua trí Bảng: Hình ảnh Khánh tháo chiếc nhẫn cưới đưa cho Bảng. Hình ảnh cái tát từ bàn tay ông Thông Hoạch còn lằn trên má Bé Chi. Những cái nhìn hằn học, bực bội của Bố. Những lời lẽ dịu dàng đầy triu mến của người anh rể. Những lời căn dặn của mẹ trước khi chia tay. Những lời Bảng hứa với mẹ. Bảng nhắm mắt lại, không dám suy nghĩ nữa.

Hai chân đạp thật nhanh, một tay kéo cái thùng gỗ, tay kia soái về phía trước như một cánh quạt, Bảng lao về phía Khánh, lúc đó đã buông xuôi hai cánh tay. Bảng vồ lấy cánh tay Khánh kéo lên khỏi mặt nước để sát vào chiếc thùng gỗ, rồi la lớn:

- Anh bám chặt vào, theo tôi lại cứu bố.

Rồi Bảng khua tay, đạp chân đổi hướng tìm ông Thông Hoạch. Có ánh đèn rọi từ

chiếc tàu lớn lướt qua rất mau nhưng cũng đủ cho Bảng thấy ông Thông Hoạch mặt nhợt nhạt, đầu tóc bơ phờ, rũ rượi, đang chìm nhanh khỏi mặt nước. Bảng phóng tới nơi thì không còn thấy bóng dáng ông Thông Hoạch đâu nữa. Những lượng vàng lá đã bao lần làm lệch cán cân công lý thì bây giờ đã kéo ông Thông Hoạch chìm nhanh theo xuống đáy biển. Bảng lặn xuống theo để cố tìm ông Thông Hoạch nhưng biển chỉ còn một màu đen của bóng đêm.

Vùng vẫy trở lại mặt nước, Bảng bám vào thùng gỗ nhìn ra chung quanh và chỉ còn thấy loáng thoáng năm bảy người. Chiếc tàu lớn tới gần hơn. Bảng có thể nhìn rõ thủy thủ đang hạ những thuyền cấp cứu xuống. Nước biển lạnh làm Bảng và Khánh run cầm cập. Trong chốc lát, một chiếc thuyền cấp cứu đến sát ngay chỗ Bảng và Khánh. Một thủy thủ ném hai chiếc phao cho Bảng và Khánh bám vào rồi kéo lên thuyền. Sáu bảy chiếc thuyền cấp cứu khác chạy ra nhiều hướng để giúp những người còn sống sót.

Bảng và Khánh cùng những người còn sống sót khác được đưa lên tàu lớn. Tất cả chỉ có mười tám người được cứu. Ai cũng âu sầu ủ rũ vì ai cũng có người thân thiết mạng. Sau khi khám bệnh cho mọi người, bác sĩ thường trực trên tàu tuyên bố mọi người đều khỏe mạnh; mặc dù đang còn mệt vì đói và lạnh. Mọi người được phân phát quần áo ấm, chăn mền, đồ ăn và được chỉ định chỗ ngủ tạm thời.

Trong khi mọi người ăn ngấu ngiến những khẩu phần vừa nhận được, một mình Bảng không đụng một miếng. Bảng cảm thấy như có gì ngăn chặn ngay ở cổ. Hình ảnh người bố đang chìm nhanh xuống biển không rời tâm trí Bảng. Câu nói của người

mẹ trước khi Bảng lên đường lại như vang lên bên tai Bảng “*Con phải hứa với mẹ con sẽ hết sức săn sóc cho bố con*”. Bảng còn nghe rõ tiếng mình nói với mẹ “*Con hứa*”. Làm sao Bảng có thể để cho bố chết đuối để đi cứu người anh rể? Nếu có ngày nào gặp lại mẹ rồi Bảng sẽ nói làm sao?

Có tiếng Khánh dục:

- Cậu cố ăn chút đỉnh để lấy lại sức. Coi bộ cũng nhiều ngày nữa tàu mới cập bến.

Bảng chỉ lắc đầu, yên lặng, nằm thờ dãi. Khánh để cho Bảng nằm nghỉ một hồi rồi lại lay Bảng dậy, dục đã:

- Cậu nghe anh, cố ăn đi vài miếng cho đỡ đói.

Bảng bồng ợ mạnh lên rồi nôn ọe ra khắp chỗ nằm. Khánh sợ hãi, vội tìm khăn giấy lau chùi cho Bảng. Liên hai ngày, Bảng không chịu ăn uống gì. Khánh đi tìm bác sĩ để cầu cứu. Nể lời bác sĩ, Bảng chỉ ăn hai ba muỗng súp rồi lại thôi. Sang ngày thứ ba, khi thấy Bảng vẫn không chịu ăn uống gì, Khánh đang định đi tìm bác sĩ nữa thì Bảng thều thào nói:

- Năm đây ngột ngạt quá. Em muốn lên boong tàu cho thoải mái một chút.

Khánh đỡ Bảng ngồi dậy; rồi lại đỡ Bảng đứng lên. Bảng bám vào vai Khánh, đi từng bước nhỏ nặng nhọc ra cầu thang lên boong tàu. Bảng đứng một lúc rồi nói:

- Anh làm ơn về phòng lấy cho em một cái áo ấm.

Khánh không nghĩ ngợi gì, để Bảng đứng đó vịn vào lan can tàu; còn Khánh thì đi vội xuống cầu thang để về phòng. Vừa tới chân cầu thang thì Khánh nghe có tiếng la lớn:

- Man over board (Có người té xuống biển).

Có tiếng chân nhiều thủy thủ chạy rầm rầm lên boong tàu, vừa chạy vừa la:

- Có người té xuống biển. Có người té xuống biển.

Khánh giật mình quay trở lại tìm Bảng; nhưng không thấy Bảng đâu. Một người thủy thủ vỗ lấy Khánh nói:

- Đó chính là người đàn ông mà lúc nãy tôi thấy đứng nói chuyện với ông ở trên boong tàu đó. Ông vừa đi thì người đàn ông kia leo qua lan can rồi nhảy xuống biển chỗ này này.

Khánh bàng hoàng không nói được một lời.

Mọi người cúi đầu chăm chú nhìn xuống biển theo hướng tay người thủy thủ vừa chỉ. Có tiếng la lớn:

- Anh ta kia kìa. May quá, anh ta không rơi xuống biển mà rơi ngay vào trong chiếc thuyền cấp cứu số 16 đó. Gọi ngay đội cứu thương xuống đem anh ta lên.

Mấy phút sau Bảng được đưa thẳng lên bệnh xá để bác sĩ khám nghiệm. Khánh hồi hộp đứng ngoài cửa bệnh xá chờ đợi. Sau một hồi thật lâu, bác sĩ trưởng bước ra. Thấy vẻ mặt lo âu của Khánh, bác sĩ nói:

- Tôi có tin mừng cho ông. Người bạn đồng hành với ông chỉ bị trượt một vài chỗ; nhưng không có gì nguy hại đến tính mạng.

Khánh mừng rỡ hỏi:

- Tôi có thể vào thăm được không?

Bác sĩ nói:

- Anh ta còn mệt lắm. Các y-tá đang tiếp nước biển cho anh ta vì hình như anh ta đã bỏ ăn mấy hôm rồi. Chừng một giờ nữa các y-tá sẽ đưa anh ta về phòng riêng, nghỉ ngơi. Lúc đó ông có thể vào thăm được.

Buổi chiều hôm đó, khi Khánh vào thăm, Bảng nhìn Khánh mỉm cười, như có vẻ chờ đợi. Khánh ngồi xuống bên giường, yên lặng cầm tay Bảng một hồi rồi trầm ngâm nói:

- Anh hiểu nỗi khổ tâm của cậu. Anh cũng buồn vô cùng. Thôi thì là số mệnh cả. Cậu đã hết mình cố cứu ông mà không được. Mọi sự xảy ra ngoài tầm tay của cậu. Cậu đau buồn như vậy cũng đủ rồi. Bây giờ là lúc cậu phải nghĩ đến cháu Chi và mẹ Nguyệt ở nhà. Mọi người đang mong tin cậu và tôi từng giờ, từng phút.

Bảng nắm chặt tay Khánh một hồi thật lâu rồi nói:

- Em sẽ nghe anh.

Em cảm ơn anh nhiều lắm.

Khánh yên lặng một phút rồi nói:

Anh phải cảm ơn cậu mới đúng chứ. Cậu cứu anh mà cũng là cứu chị và hai con anh. Nếu không có cậu cứu anh thì ba mẹ con còn biết trông cậy vào đâu. Thế là cậu đã cứu cả gia đình anh, bốn người. Anh chị và hai cháu sẽ nhớ ơn cậu mãi mãi.

Phạm Hữu Bính
(Virginia)



Ảnh: Chiều Đông
PHẠM VĂN TUẤN